



Hướng dẫn sử dụng nhanh Volkswagen Polo

Hướng dẫn sử dụng nhanh Polo
Stand: 17.03.2020
Englisch VNM: 03.2020



6RF012720ABVNM



Nội dung chỉ mang tính chất tham khảo, chi tiết vui lòng xem trong Owners Manual
Mọi đóng góp xin vui lòng gửi vào hộp thư: info@vw.com.vn

Mục Lục

I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT	1
1. Tính năng về công nghệ và tiện nghi	1
a. Tính năng tự động đóng/mở cửa sổ và chống kẹt	1
b. Hệ thống điều hòa tự động – Climatronic (tham khảo trang 49)	1
c. Hệ thống thông tin và giải trí màn hình cảm ứng 6.5/5 inch (Tùy trang bị) (Tham khảo trang 50)	2
d. Hệ thống trợ lực lái điện	2
2. Tính năng về an toàn	2
a. Gương chiếu hậu bên trong xe tự động chống chói	2
b. Hệ thống kiểm soát cự ly đỗ ở phía trước và phía sau	3
c. Chức năng chủ động tắt/mở túi khí phía trước bên phải	3
II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG	4
1. Lái xe tiết kiệm	4
2. Lái xe an toàn	5
3. Bảo quản bảo dưỡng xe khi không sử dụng	5
4. Kiểm tra, chuẩn bị trước chuyến đi xa	6
5. Lưu ý khi sử dụng xe	8
6. Các gợi ý chung trong quá trình sử dụng	9
6.1. Pin chìa khóa	9
6.2. Kết nối thiết bị sạc hoặc câu bình	10
6.3. Kéo xe	10
6.4. Bánh xe dự phòng	11
7. Sử dụng điều hòa hiệu quả	11
III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE	12
1. Các thông số kích thước cơ bản	12
a. Hatchback	12
b. Sedan	13
2. Phía trước xe	14
3. Khoảng động cơ	15
4. Bên hông xe	16
a. Hatchback	16
b. Sedan	17
5. Phía sau xe	18
a. Hatchback	18
b. Sedan	19

6. Các đèn chi tiết trên đèn pha và đèn lái sau	20
IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE	21
1. Cửa trước – phía người lái	21
2. Tổng quan tại vị trí người lái	22
3. Phần trước hộp trung tâm	23
4. Phần giữa hộp trung tâm	24
5. Tổng quan tại vị trí hành khách phía trước	25
6. Đồng hồ táp-lô và các đèn báo	26
a. Đồng hồ tốc độ động cơ (x1.000 v/ph)	26
b. Đồng hồ báo nhiên liệu	27
c. Đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát	28
d. Nhắc bảo dưỡng	29
e. Các đèn báo trên đồng hồ Táp-lô	29
7. Trên trần xe	31
8. Khoang hành lý phía sau	32
V. VẬN HÀNH XE	34
1. Tổng quan chìa khóa và thao tác đóng/mở các cửa, cốp sau và nâng hạ kính	34
a. Chìa khóa	34
b. Mở/ khóa xe từ bên ngoài	36
c. Mở/ khóa xe từ bên trong	37
d. Khóa trẻ em	37
e. Đóng/mở cốp xe	37
f. Đóng/mở kính cửa	38
2. Điều chỉnh tư thế ngồi	38
3. Chỉnh vô lăng	39
4. Sử dụng dây đai an toàn	39
a. Cách thắt dây an toàn	39
b. Cách tháo dây an toàn	39
c. Điều chỉnh dây an toàn	40
5. Chỉnh ghế hàng ghế thứ nhất	40
6. Chỉnh ghế hàng ghế thứ 2	40
a. Để gập nệm hàng ghế thứ 2	40
b. Gập lưng ghế hàng ghế thứ 2	41
c. Kéo lại lưng ghế hàng ghế thứ 2	41
7. Chỉnh, tháo tựa đầu	41
8. Hệ thống cảnh báo chống trộm	42

9. Công tắc đèn của xe	42
a. Đèn chiếu sáng	42
b. Đèn tín hiệu báo rẽ	43
c. Đèn cảnh báo/ưu tiên	43
10. Công tắc gạt mưa	43
11. Công tắc đa năng trên vô lăng	44
a. Công tắc bên trái	44
b. Công tắc bên phải	44
12. Công tắc điều chỉnh gương chiếu hậu.	45
13. Khởi động động cơ	45
14. Cần sang số	46
15. Khóa cần số	47
16. Chế độ thể thao và lẫy số trên vô lăng (Tiptronic)	47
17. Phanh tay	48
18. Hệ thống điều hòa tự động (Climatronic)	49
19. Hệ thống thông tin và giải trí	50
20. Mở nắp khoang động cơ	53
21. Mở nắp thùng nhiên liệu	53
VI. CÁC TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP	54
1. Không khởi động được do yếu bình - Cách cứu bình	54
2. Không thể mở cửa xe, cốp xe bằng chìa khóa điện tử do chìa khóa hết pin, ắc quy hết điện	56
a. Mở/ khóa cửa người lái bằng chìa khóa cơ	56
b. Mở cốp sau bằng chìa khóa	56
3. Hướng dẫn cách thay pin	57
4. Thay bánh xe dự phòng	58
5. Kéo xe	61
a. Khi xe bạn cần được kéo	61
b. Xe bạn kéo xe khác	62

I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT

1. Tính năng về công nghệ và tiện nghi

a. Tính năng tự động đóng/mở cửa sổ và chống kẹt

Phần nhiều trong chúng ta không để ý việc các cửa sổ đã lên hết hay chưa rồi mới tắt máy và khóa xe, điều đó có thể khiến cho bạn gặp phiền toái như việc bị mất đồ. Với chức năng này, bạn có thể lên/xuống kính tự động chỉ bằng việc nhấn nút khóa/mở xe.

Ngoài ra, chức năng chống kẹt cũng được thêm vào với mục đích là tránh việc gây thương tổn trong trường hợp sơ ý bạn đưa tay, hoặc người qua cửa sổ khi cửa kính đang được nâng lên.



b. Hệ thống điều hòa tự động - Climatronic (tham khảo trang 49)

Hệ thống điều hòa tự động (Climatronic) cho phép bạn điều chỉnh nhiệt độ theo như mong muốn. Điều này giúp bạn có được một hành trình thật thoải mái và tránh tình trạng bị sốc nhiệt khi nhiệt độ bên trong và bên ngoài cabin chênh lệch lớn.



I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT

c. Hệ thống thông tin và giải trí màn hình cảm ứng 6.5/5 inch (Tùy trang bị) (Tham khảo trang 50)

Một số tính năng chính của hệ thống thông tin và giải trí

- Chức năng radio AM/FM.
- Kết nối với điện thoại thông qua Bluetooth.
- App-connect (kết nối với điện thoại bằng dây cáp).
- Phát nhạc qua thẻ SD, USB, CD.



d. Hệ thống trợ lực lái điện

Volkswagen Polo được trang bị hệ thống trợ lực lái điện giúp cho bạn cảm thấy tiện nghi và thoải mái trong suốt hành trình.

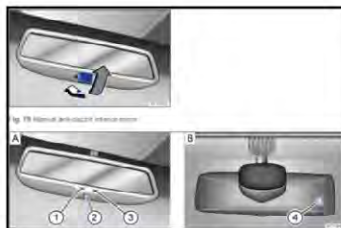


2. Tính năng về an toàn

a. Gương chiếu hậu bên trong xe tự động chống chói

Xe của bạn được trang bị gương chiếu hậu có tính năng tự động chống chói trong trường hợp xe phía sau chiếu đèn vào gương nhằm đảm bảo tầm quan sát của bạn khi nhìn xe phía sau qua gương.

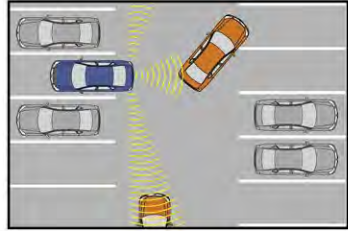
Chức năng tự động chống chói sẽ tắt trong một số trường hợp đặc biệt, VD: xe đang cài số lùi.



I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT

b. Hệ thống kiểm soát cự ly đỗ ở phía trước và phía sau

Volkswagen Polo được trang bị hệ thống cảnh báo ở cả phía trước và phía sau giúp hạn chế tối đa rủi ro bị va chạm, giúp bạn cảm thấy yên tâm hơn mỗi khi cầm lái.



c. Chức năng chủ động tắt/mở túi khí phía trước bên phải

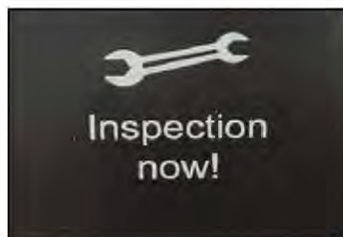
Túi khí phía trước bên phải có thể chủ động tắt/mở để đảm bảo an toàn cho hành khách. (VD: có trẻ nhỏ ngồi ở ghế trước phụ.)



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

1. Lái xe tiết kiệm

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ giúp duy trì xe trong tình trạng tốt nhất và phát hiện trước để ngăn ngừa các hư hỏng, giúp tiết kiệm chi phí. Ngoài ra, việc thay dầu bôi trơn, lọc gió động cơ, bu-gi,..... trong quá trình kiểm tra bảo dưỡng định kỳ còn giúp cải thiện trực tiếp tới chất lượng (hiệu suất) hoạt động của động cơ.
- Kiểm tra, điều chỉnh áp suất lốp vì nếu lốp thiếu áp suất cũng sẽ ảnh hưởng đến việc tiêu hao nhiên liệu.
- Làm nóng động cơ: Động cơ sẽ tiêu hao nhiên liệu tối ưu nhất khi đã được làm nóng (trên 70°C). Không nên chạy xe khi động cơ chưa được làm nóng.
- Khi lái xe, bạn nên tập trung quan sát từ xa để biết phía trước có chướng ngại vật hay đèn đỏ để điều chỉnh tốc độ xe phù hợp. Không nên tăng ga đột ngột và không phanh gấp vì việc tăng hoặc giảm tốc độ đột ngột cũng khiến việc tiêu hao nhiên liệu tăng lên và nhanh thay má phanh.
- Không chở những đồ vật nặng không cần thiết.
- Chỉ bật điều hòa hoặc các thiết bị điện khi cần thiết.
- Chỉ nên đổ đầy thùng nhiên liệu khi đi xa



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

2. Lái xe an toàn

- Chỉ nên lái xe trong trạng thái tỉnh táo, không được lái xe trong tình trạng mệt mỏi, sử dụng chất kích thích và đồ uống có cồn.
- Sắp xếp lộ trình và dừng nghỉ phù hợp trong trường hợp bạn phải lái xe đường dài để tránh mệt mỏi, buồn ngủ.
- Nên sử dụng thảm sàn chính hãng theo xe và định vị cố định. Không được sử dụng thảm sàn không phù hợp để tránh việc kẹt chân ga, chân phanh.
- Luôn kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, ví dụ như dầu phanh, má phanh, tình trạng lốp xe,... để đảm bảo tính năng an toàn.
- Luôn tuân thủ luật khi tham gia giao thông.



3. Bảo quản bảo dưỡng xe khi không sử dụng

- Trước khi cất xe và để tránh hết bình hãy kiểm tra đảm bảo các cửa, nắp khoang động cơ... đã đóng kín, các thiết bị, hệ thống điện đều đã tắt.
- Không được tháo dây cọc bình của xe. Nếu ngắt, các thông số cài đặt có thể bị xóa. Nếu ngắt lâu, có thể gây hư hỏng cho các van điện bên trong hộp số.
- Dù không dùng xe nhưng để tránh bình tự phóng điện và yếu hoặc hỏng bình, hàng tuần hoặc tối đa hai tuần bạn nên nổ máy một lần (khoảng 30 phút) để nạp điện cho bình.



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

- Đậu xe một chỗ lâu ngày cũng gây hư hỏng cho lốp xe, bạn cần di chuyển xe để thay đổi vị trí tiếp xúc mặt đất của lốp. Đồng thời, bạn nên kiểm tra áp suất và bơm lốp, tránh để lốp xe bị thiếu áp suất.



- Ít nhất 3 tháng một lần, bạn phải chạy xe và sang số để đảm bảo các chi tiết bên trong động cơ, hộp số được bôi trơn và vận hành, đĩa phanh không bị rỉ sét.

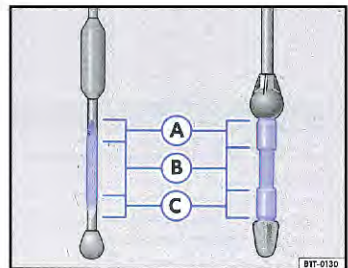


- Nếu đậu xe lâu, bạn nên chọn khu vực bằng phẳng và chêm bánh xe – không nên gài phanh tay (phanh đỗ xe) để tránh bị kẹt ổ phanh.
- Đậu xe nên chọn khu vực khô thoáng sạch sẽ, có mái che, tránh nguy cơ ngập nước, tránh chuột và côn trùng xâm hại, tránh phân chim và mưa hóa chất.



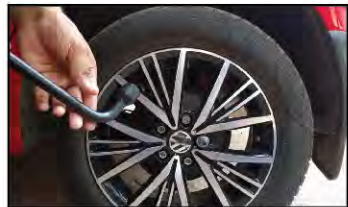
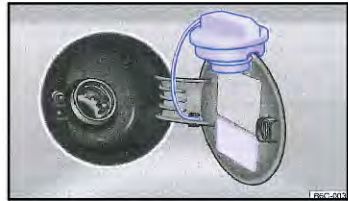
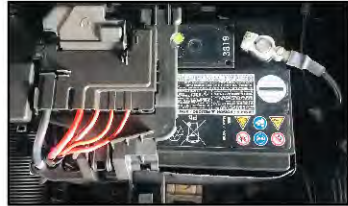
4. Kiểm tra, chuẩn bị trước chuyến đi xa

- Kiểm tra mức dầu động cơ xem có bị thấp thì châm thêm, nếu bẩn quá hoặc gần đến kỳ thay thì thay dầu mới.
- Nếu mực dầu động cơ trên que thăm nằm trong mức B như trong hình là tốt. (Vị trí que thăm tham khảo trang 15).



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

- Các loại nước và dung dịch khác như nước máy, nước rửa kính, dầu phanh, đảm bảo đầy đủ và đã thay đúng định kỳ.
- Kiểm tra độ chặt dây cọc bình, tình trạng axit trong bình thông qua việc quan sát "mắt thần" và thay mới nếu cần. Bạn cũng có thể mang theo dây câu bình hoặc thiết bị kích bình cầm tay.
- Đổ đầy thùng nhiên liệu trước chuyến đi dài.
- Kiểm tra hệ thống chiếu sáng hoạt động bình thường.
- Kiểm tra tình trạng lốp xe có bị nứt, phù, bị đá hay đinh thì phải xử lý hoặc thay thế.
- Kiểm tra và điều chỉnh áp suất lốp phù hợp tải trọng của chuyến đi bằng đồng hồ áp suất lốp và so sánh với áp suất tiêu chuẩn dán bên trong nắp đổ nhiên liệu.
- Phải kiểm tra cả bánh dự phòng để sẵn sàng trong trường hợp cần sử dụng.
- Bạn nên chuẩn bị các hành lý, đồ dùng cá nhân và nghỉ ngơi hợp lý để chuyến đi được thoải mái nhất.



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

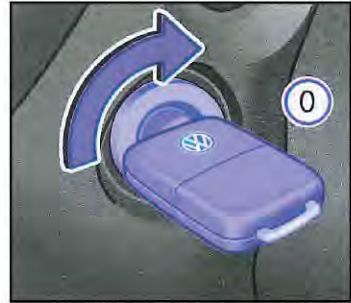
5. Lưu ý khi sử dụng xe

- Khi mang theo những vật nặng, bạn lưu ý bảo đảm đã buộc chặt lại để tránh trường hợp những vật nặng rơi ra khỏi xe và gây nguy hiểm cho những phương tiện tham gia giao thông khác.
- Bạn lưu ý không được chở quá tải vì có thể sẽ khiến xe bị chao đảo, dẫn đến gây nguy hiểm cho bạn và những người khác.
- Kiểm tra kỹ cốp xe và nắp ca pô đã đóng hay chưa trước khi khởi hành.
- Khi đi mưa, bạn nên tránh những nơi có khả năng bị ngập nước cao. Khi di chuyển, nên chọn những cung đường khô ráo hoặc bạn có thể nắm được độ sâu ngập nước nếu có thể.
- Nếu lội nước sâu, nước có thể xâm nhập vào cầu xe hoặc hộp số gây hư hỏng. Nếu lội sâu hơn nữa, nước có thể vào và gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ (thủy kích).
- Trong điều kiện phải lái xe qua vùng ngập nước vừa phải, bạn cần lái xe ở tốc độ chậm và giữ đều ga.
- Tuyệt đối không được tăng tốc trong vùng ngập nước vì sẽ làm nước tràn lên cao, dễ xâm nhập vào cầu xe, hộp số hay động cơ... và dễ gây hư hỏng hơn.
- Trường hợp không lường trước được mà xe bạn bị nằm trong vùng ngập nước sâu hơn khả năng lội nước, bạn không nên chạy xe mà hãy liên hệ cứu hộ hoặc Đại lý ủy quyền để nhanh chóng đưa xe ra khỏi vùng ngập nước.



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

Trong trường hợp động cơ bị tắt máy trong quá trình lội nước, khả năng nước đã vào động cơ. Bạn không được khởi động lại mà phải liên lạc Đại lý Volkswagen hoặc dịch vụ cứu hộ để đưa xe về xưởng của Đại lý Volkswagen, nhằm tránh những hư hỏng nghiêm trọng và chi phí lớn.



- Ngoài ra, bạn nên mua bảo hiểm với các gói cộng thêm như thủy kích... để giảm thiểu chi phí rủi ro mà bạn không thể lường trước và không thể tránh khỏi.

6. Các gợi ý chung trong quá trình sử dụng

6.1. Pin chìa khóa

Nếu chìa khóa hết pin, bạn sẽ không thể vận hành các công tắc điều khiển từ xa và không thể mở khóa xe. Để ngăn ngừa điều này, bạn có thể đánh giá tình trạng pin thông qua độ sáng của đèn báo trên chìa khóa (số 5 - hình bên). Nếu sáng mờ hoặc không sáng cho biết pin đã yếu hoặc hết pin. Bạn cần thay pin ngay để đảm bảo sự vận hành của chìa khóa.

Bạn có thể tự thay pin chìa khóa của mình hoặc liên hệ Đại lý Volkswagen (tham khảo trang 57).



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

6.2. Kết nối thiết bị sạc hoặc cầu bình

Việc để xe lâu không nổ máy hoặc không tắt các thiết bị/hệ thống điện có thể làm bình ắc-quy yếu/cạn điện và không thể khởi động động cơ. Nếu bị trường hợp này, bạn có thể sạc bình hoặc cầu bình để đề máy được. Việc gắn thiết bị sạc hoặc cầu bình cần phải được thực hiện đúng cách. Bạn có thể tham khảo trang 54.

Lưu ý: Không được cầu bình khi ắc quy đã hoàn toàn hết điện.



6.3. Kéo xe

Trong trường hợp xe bạn không thể chạy được, việc đưa xe về xưởng cần phải thực hiện đúng cách nếu không có thể dẫn đến những hư hỏng nghiêm trọng cho hệ thống truyền động như hộp số, cầu,... phát sinh:

- Tắt động cơ.
- Bật chìa khóa và gài số N.
- Nhả phanh tay.
- Tắt chìa khóa.
- Lấy chìa khóa ra.
- Nâng cầu trước.



Lưu ý:

Không được kéo xe trong trường hợp đánh giá hộp số bị hư hỏng và không còn dầu trong hộp số.

Tốc độ kéo xe không quá 50km/h, quãng đường kéo không quá 50km.

Trong trường hợp xe bị mất nguồn điện, không được kéo xe mà phải chở bằng xe cứu hộ.

II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

6.4. Bánh xe dự phòng

Trên xe có trang bị bánh xe dự phòng ở trong khoang hành lý phía sau. Bạn có thể thay vào để chạy tạm trong trường hợp cần thiết. Cách thay thế vui lòng tham khảo trang 58.



7. Sử dụng điều hòa hiệu quả

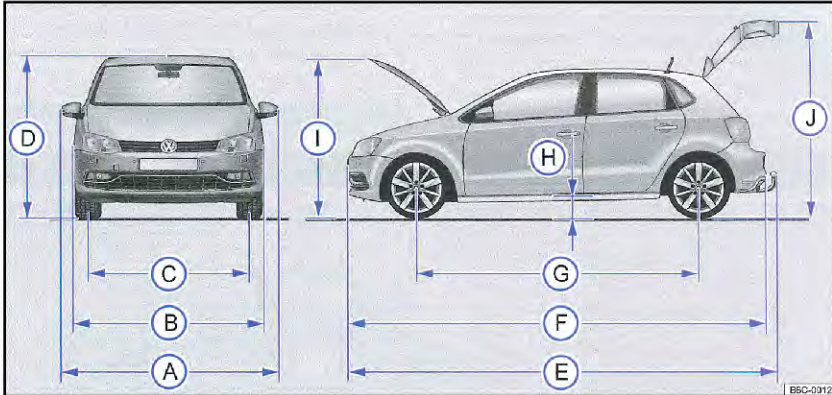
- Trước khi kết thúc hành trình một vài phút, bạn hãy tắt điều hòa để giúp cơ thể dần làm quen với nhiệt độ bên ngoài, tránh sốc nhiệt.
- Bên cạnh đó, tắt điều hòa trước khi dừng để chạy bằng quạt sẽ giúp làm khô cửa gió và giàn lạnh, tránh sinh ra nấm mốc, một nguyên nhân dẫn đến mùi khó chịu mỗi khi bước vào xe.
- Việc bật điều hòa trong quá trình sử dụng xe, nếu phát sinh hiện tượng kính xe bị đọng sương gây mờ. Bạn nên chọn sang chế độ gió ngoài một thời gian rồi chuyển lại chế độ gió trong. Lưu ý là không chọn nhiệt độ quá lạnh.



III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

1. Các thông số kích thước cơ bản:

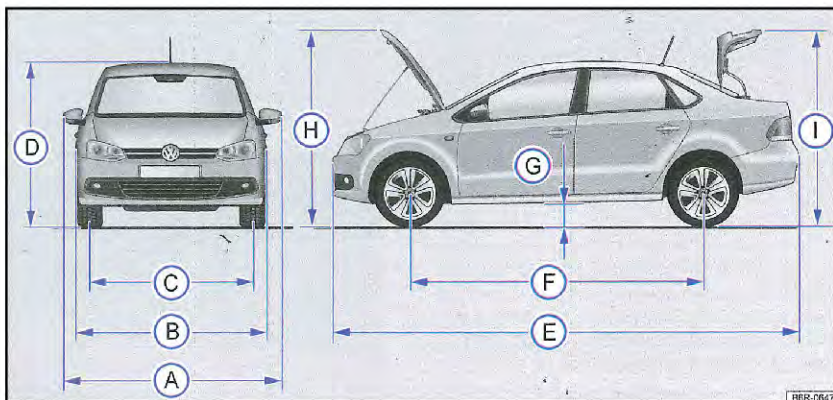
a. Hatchback.



(A)	Chiều rộng cửa xe (Từ kính chiếu hậu bên trái tới bên phải).	1,901 mm
(B)	Chiều rộng cửa xe	1,682 mm
(C)	Khoảng cách bánh xe trước	1,441 – 1,465 mm
	Khoảng cách bánh xe sau	1,434 – 1,456 mm
(D)	Chiều cao xe	1,462 mm
	Chiều cao xe tính tới ăng ten	1,485 mm
(E)	Chiều dài xe khi gắn móc kéo	4,064 mm
(F)	Chiều dài xe từ cản trước đến cản sau	3,972 mm
(G)	Khoảng cách trục cơ sở	2,456 mm
(H)	Khoảng sáng gầm xe	143 mm
(I)	Chiều cao khi mở nắp ca-pô	1,759 mm
(J)	Chiều cao khi mở cốp	2,000 mm

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

b. Sedan



(A)	Chiều rộng cửa xe (Từ kính chiếu hậu bên trái tới bên phải).	1,927 mm
(B)	Chiều rộng cửa xe	1,699 mm
(C)	Khoảng cách bánh xe trước	1,460 mm
	Khoảng cách bánh xe sau	1,498 mm
(D)	Chiều cao xe	1,465 mm
(E)	Chiều dài xe từ cản trước đến cản sau	4,384 mm
(F)	Khoảng cách trục cơ sở	2,552 mm
(G)	Khoảng sáng gầm xe	168 mm
(H)	Chiều cao khi mở nắp ca-pô	1,772 mm
(I)	Chiều cao khi mở cốp	1,708 mm

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

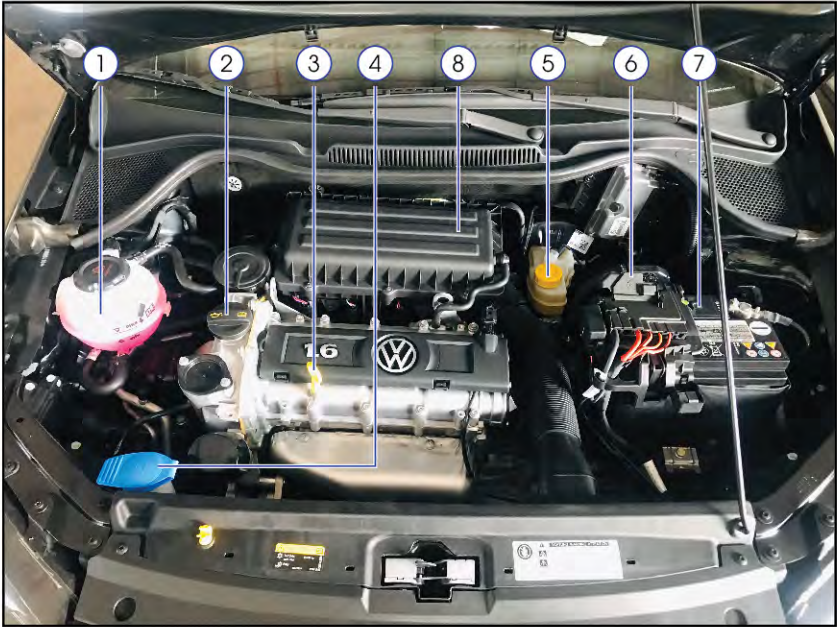
2. Phía trước xe



- ① Kính chắn gió:
 - Số VIN xe.
 - Hệ thống sấy kính chắn gió.
 - Các lưới gạt mưa.
 - Cảm biến mưa/ánh sáng nằm gần khu vực kính chiếu hậu bên trong xe.
 - Kính chiếu hậu trong xe.
- ② Lẫy gạt mở nắp Ca-pô.
- ③ Cụm đèn pha.
- ④ Hệ thống rửa đèn pha.
- ⑤ Cảm biến cảnh báo khoảng cách khi đỗ xe.
- ⑥ Đèn sương mù và đèn báo rẽ.
- ⑦ Chỗ để gắn móc kéo xe ở phía trước.

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

3. Khoang động cơ

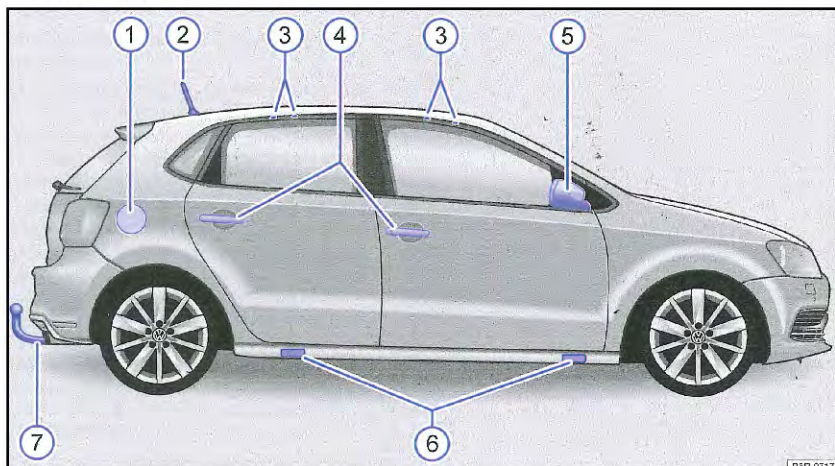


- ① Bình nước làm mát.
- ② Nắp châm dầu bôi trơn động cơ.
- ③ Que thăm dầu bôi trơn động cơ.
- ④ Bình nước rửa kính chắn gió.
- ⑤ Bình dầu trợ lực phanh.
- ⑥ Hộp Rơ-le và cầu chì.
- ⑦ Bình ắc quy.
- ⑧ Hộc lọc gió động cơ.

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

4. Bên hông xe

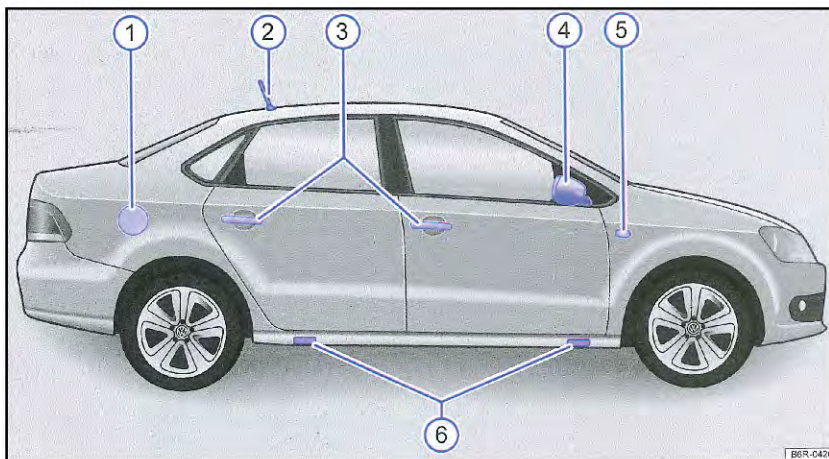
a. Hatchback.



- ① Nắp thùng nhiên liệu.
- ② Ăng ten.
- ③ Các chỗ để bắt đồ gá trên nóc xe.
- ④ Các tay nắm cửa.
- ⑤ Gương chiếu hậu.
- ⑥ Các vị trí nâng xe.
- ⑦ Móc kéo.

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

b. Sedan

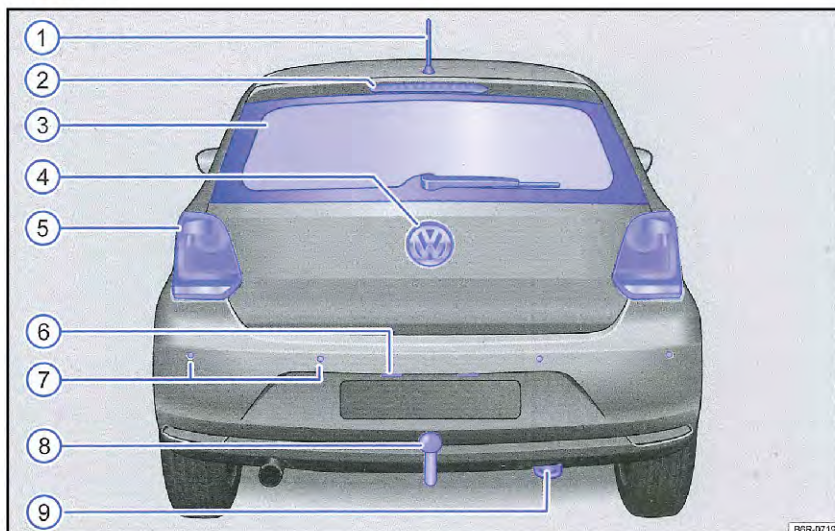


- ① Nắp thùng nhiên liệu.
- ② Ắng ten.
- ③ Các tay nắm cửa.
- ④ Gương chiếu hậu.
- ⑤ Đền bảo rơ bên ngoài xe.
- ⑥ Các vị trí nâng xe.

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

5. Phía sau xe

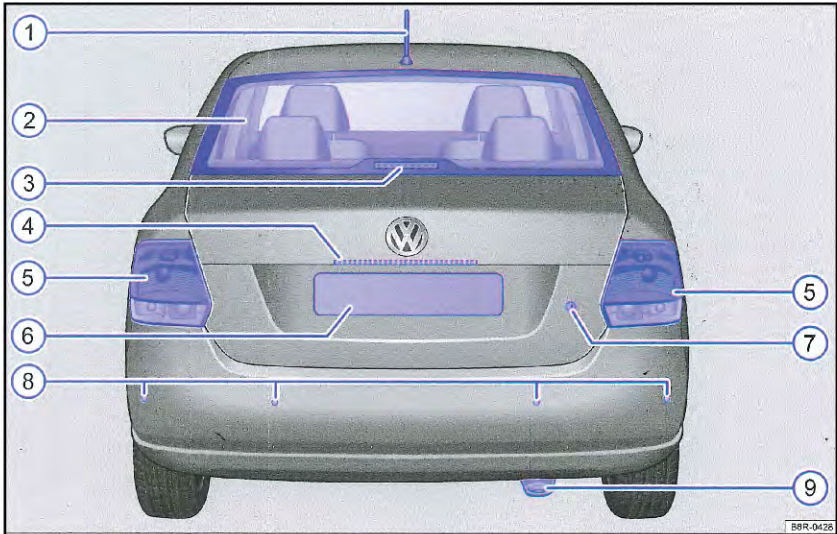
a. Hatchback



- ① Ắng ten.
- ② Đèn phanh sau trên cánh gió đuôi xe.
- ③ Kính chắn gió sau:
 - Sưởi kính.
 - Gạt mưa kính chắn gió sau.
 - Ắng ten trên kính.
- ④ Logo kèm lẫy mở cốp sau.
- ⑤ Cụm đèn sau.
- ⑥ Đèn soi biển số.
- ⑦ Cảm biến sau.
- ⑧ Móc kéo.
- ⑨ Chỗ để gắn móc kéo xe trong trường hợp cứu hộ.

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

b. Sedan



- ① Ắng ten.
- ② Kính chắn gió sau:
 - Sưởi kính.
 - Ắng ten trên kính.
- ③ Đền phanh sau trong xe.
- ④ Đền soi biển số.
- ⑤ Cụm đèn sau.
- ⑥ Nơi gắn biển số.
- ⑦ Ổ khóa để đóng/mở cốp sau.
- ⑧ Cảm biến sau.
- ⑨ Móc kéo xe.

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

6. Các đèn chi tiết trên đèn pha và đèn lái sau

- ① Đèn pha.
- ② Đèn đỡ mi.
- ③ Đèn báo rẽ.
- ④ Đèn cốt.
- ⑤ Miếng đệm trang trí trong đèn.

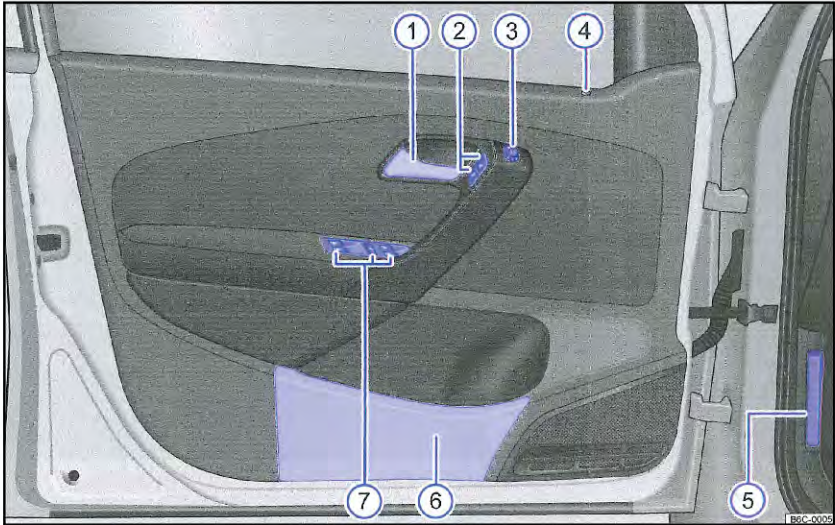


- ① Đèn phanh sau.
- ② Đèn lái sau.
- ③ Đèn báo rẽ.
- ④ Đèn lùi/ Đèn sương mù.



IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

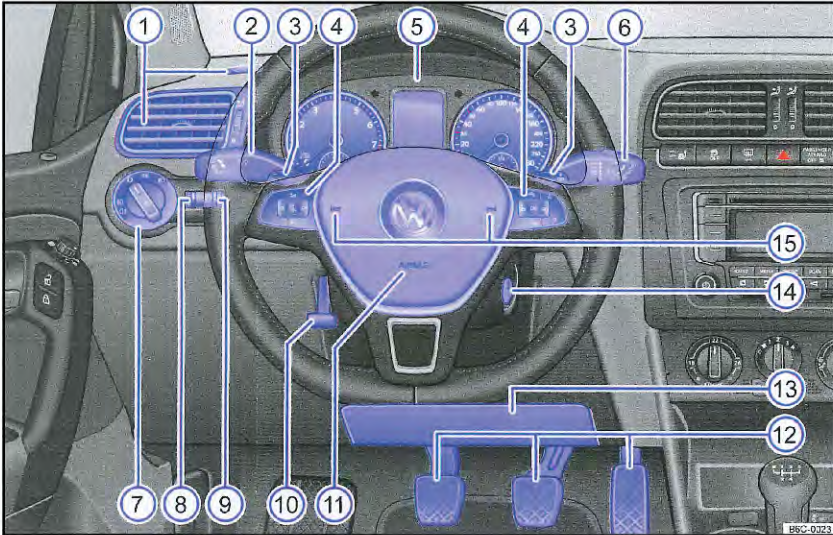
1. Cửa trước - phía người lái



- ① Tay mở cửa bên trong.
- ② Cụm công tắc khóa/mở cửa trung tâm.
- ③ Công tắc chỉnh gương chiếu hậu.
- ④ Đèn báo hệ thống khóa cửa trung tâm.
- ⑤ Lấy mở nắp ca-pô.
- ⑥ Hộc đựng đồ.
- ⑦ Cụm công tắc nâng hạ kính cửa.

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

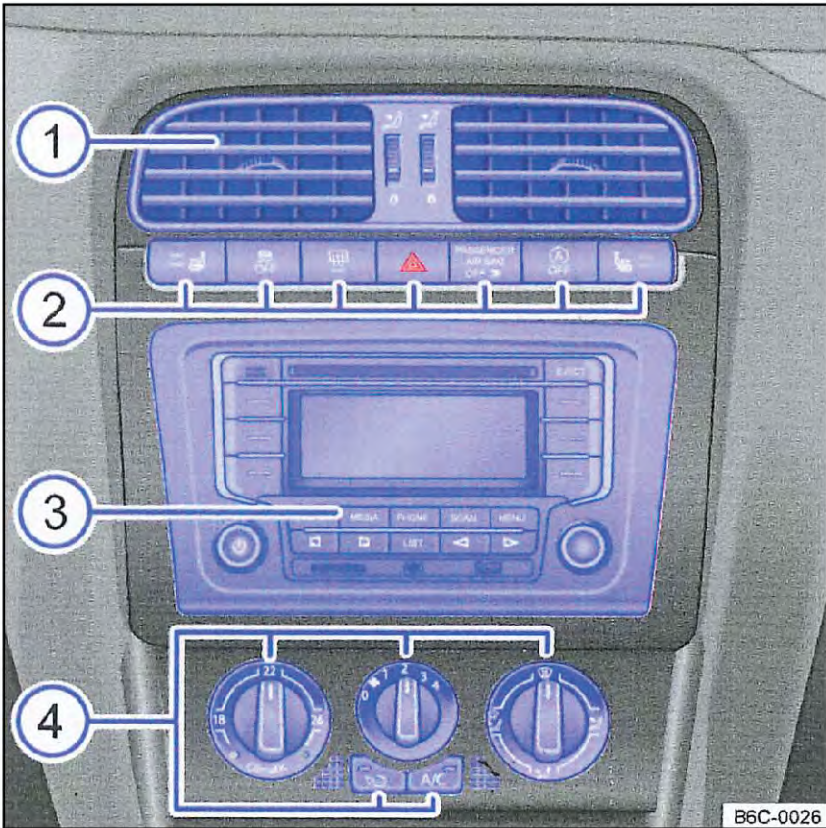
2. Tổng quan tại vị trí người lái



- ① Các cửa gió.
- ② Cần công tắc đèn báo rẽ và đèn pha.
- ③ Lẫy sang số Tiptronic (Nếu có trang bị).
- ④ Các cụm công tắc trên vô lăng.
- ⑤ Cụm màn hình táp-lô với các đèn báo và cảnh báo.
- ⑥ Cần công tắc gạt mưa và rửa kính.
- ⑦ Cụm công tắc đèn chiếu sáng.
- ⑧ Núm xoay điều chỉnh hướng đèn (xa/gần).
- ⑨ Điều khiển hệ thống thông tin hiển thị trên kính chắn gió HUD (Nếu có trang bị).
- ⑩ Cần điều chỉnh vị trí vô lăng.
- ⑪ Túi khí ở vô lăng.
- ⑫ Các bàn đạp ga và phanh, côn.
- ⑬ Học dụng đồ.
- ⑭ Ổ khóa (Nếu có trang bị).
- ⑮ Công tắc còi xe.

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

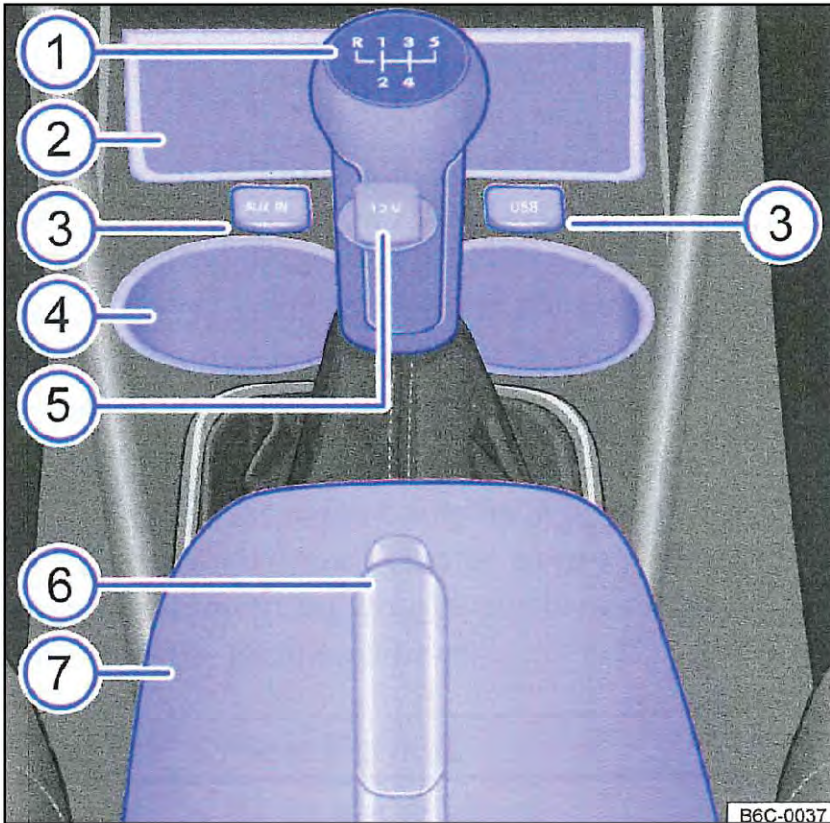
3. Phần trước hộp trung tâm



- ① Cửa thông gió.
- ② Cụm công tắc sưởi và thông gió, đèn ưu tiên, đèn báo túi khí bảo vệ hành khách phía trước.
- ③ Hệ thống thông tin và giải trí.
- ④ Cụm công tắc hệ thống điều hòa.

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

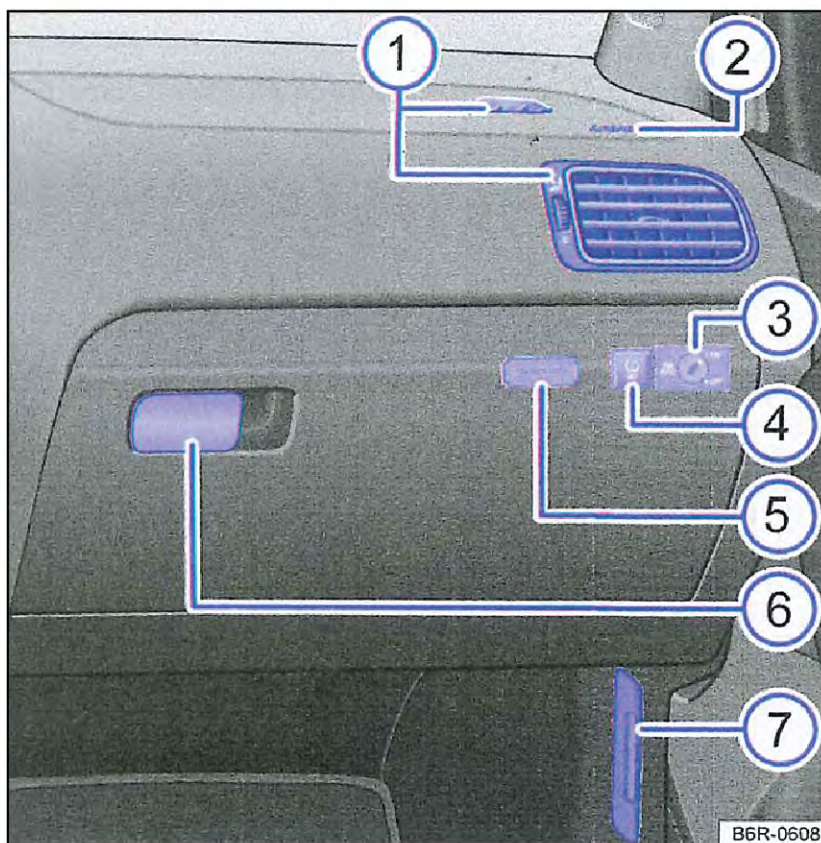
4. Phần giữa hộp trung tâm



- ① Cần chuyển số.
- ② Hộc đựng đồ.
- ③ Khu vực:
 - Cổng MEDIA-IN, USB AUX IN.
 - Mồi thuốc.
- ④ Chỗ đựng đồ uống.
- ⑤ Cổng 12 Volt.
- ⑥ Phanh tay.
- ⑦ Tựa để tay - Bao gồm ngăn đựng đồ.

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

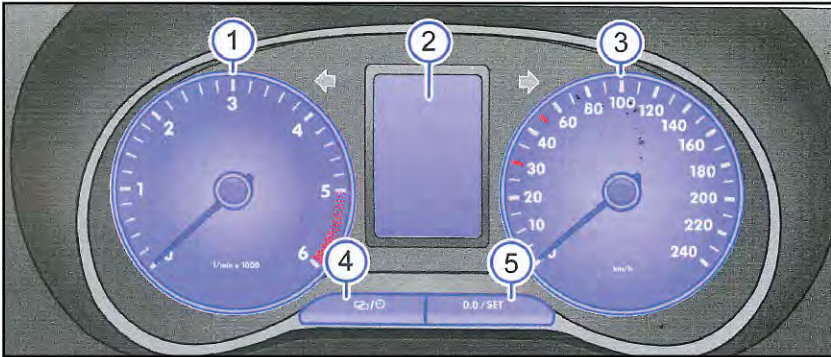
5. Tổng quan tại vị trí hành khách phía trước



- ① Các cửa gió.
- ② Vị trí túi khí hành khách bên phụ.
- ③ Công tắc khóa chức năng túi khí bảo vệ hành khách phía trước.
- ④ Nút cài đặt áp suất lốp.
- ⑤ Lỗ cắm MEDIA - IN.
- ⑥ Tay mở ngăn đựng đồ phía trước.
- ⑦ Hộc để đồ.

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

6. Đồng hồ táp-lô và các đèn báo



- ① Đồng hồ hiển thị tốc độ động cơ (x1000/phút).
- ② Màn hình hiển thị.
- ③ Đồng hồ hiển thị tốc độ xe.
- ④ Nút điều chỉnh cài đặt thời gian/ xem thông tin bảo dưỡng.
- ⑤ Công tắc Reset Trip.

a. Đồng hồ tốc độ động cơ (x1.000 v/ph)

Trong quá trình sử dụng xe, không được để kim tốc độ động cơ lên đến vùng màu đỏ.

Khi kim tốc độ động cơ gần đến vùng màu đỏ bạn nên vào số cao hơn hoặc giảm ga hoặc chuyển sang chế độ lái D nhằm giúp cho động cơ tránh bị vượt tốc và gây hư hỏng.



IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

b. Đồng hồ báo nhiên liệu

Khi đồng hồ hiện mức nhiên liệu còn 2 đến 3 vạch hoặc đèn cảnh báo hiện lên. Hãy kiểm tra và đổ thêm nhiên liệu ngay lập tức.

Chỉ sử dụng xăng RON 95.




Cảnh báo:

Việc lái xe trong tình trạng mức nhiên liệu còn quá thấp có khả năng dẫn đến nguy cơ động cơ ngừng hoạt động bất ngờ.

Luôn luôn đổ thêm nhiên liệu khi đồng hồ hiển thị mức nhiên liệu còn khoảng 1/4 bình. Điều này giúp giảm nguy cơ xe hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động.

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

c. Đèn báo nhiệt độ nước làm mát



Biểu tượng đèn báo	Nguyên nhân có thể	Hành động cần thiết
	Nhiệt độ dung dịch nước làm mát quá cao.	<p>Không được lái xe!</p> Quan sát và dừng xe ngay lập tức khi cảm thấy an toàn. Tắt động cơ và đợi một khoảng thời gian cho đèn báo trên táp-lô tắt. Nhờ hỗ trợ từ chuyên gia nếu đèn báo không tắt dù đã tắt động cơ được một khoảng thời gian.
	Nhiệt độ dung dịch nước làm mát quá thấp.	<p>Không được lái xe!</p> Sau khi động cơ đã nguội, kiểm tra lại mực nước làm mát và châm thêm nếu mực nước làm mát quá thấp. Nếu đèn báo vẫn sáng dù đã châm thêm dung dịch nước làm mát, chứng tỏ hệ thống làm mát có sự cố.
	Lỗi ở hệ thống làm mát động cơ.	<p>Không được lái xe!</p> Quan sát và dừng xe ngay lập tức khi cảm thấy an toàn. Tắt máy và nhờ hỗ trợ từ chuyên gia.



IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

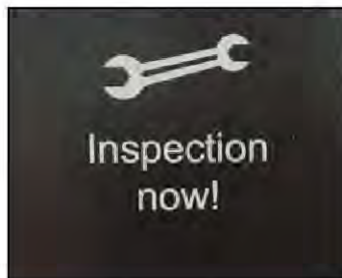
d. Nhắc bảo dưỡng

Nếu công việc bảo dưỡng định kỳ sắp đến gần, thông tin nhắc bảo dưỡng sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị trên táp-lô mỗi khi bạn bật chìa khóa.

Để kiểm tra thông tin bảo dưỡng, bạn tiến hành như sau:

Nhấn nhiều lần công tắc  trên cụm đồng hồ táp-lô tới khi xuất hiện biểu tượng cờ lê  và có số 1 hiện ở góc trên màn hình bên phải. Giá trị hiện ra là chu kì bảo dưỡng tiếp theo.

Nếu bạn nhấn tiếp công tắc  trên cụm đồng hồ táp-lô. Biểu tượng cờ lê  vẫn xuất hiện và có số 2 hiện ở góc trên màn hình bên phải. Giá trị hiện ra là chu kì bảo dưỡng lớn tiếp theo.









e. Các đèn báo trên đồng hồ Táp-lô

Biểu tượng	Hiển thị cảnh báo
	Không được lái xe! Mức dầu phanh quá thấp, lỗi hệ thống phanh Phanh đỗ đang tác dụng
	Không được lái xe! Phanh tay điện tử đang được bật
	Nhấp nháy: Không được lái xe! Hệ thống trợ lực lái điện đang khóa
	Không được lái xe! Lỗi hệ thống làm mát động cơ
	Không được lái xe! Áp suất dầu động cơ quá thấp

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

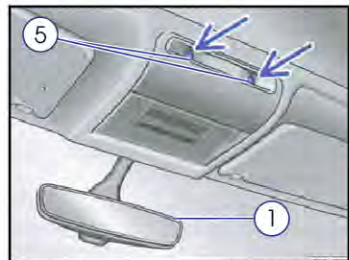
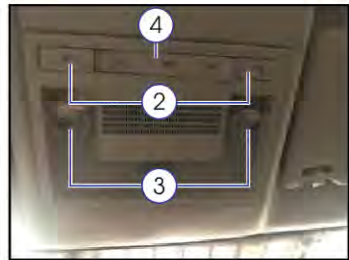
	Dây đai an toàn ghế người lái và hành khách chưa được cài
	Lỗi máy phát điện, bình ắc quy
	Không được lái xe! Có ít nhất một cửa vẫn còn đang mở hoặc đóng chưa đúng.
	Nháy nhanh: hệ thống cân bằng điện tử đang hoạt động (ESP) Sáng: lỗi ESP hoặc đang tắt HOẶC: khi sáng cùng với đèn ABS: Hệ thống ABS bị lỗi. HOẶC: ắc quy vừa được kết nối lại.
	Sáng lên: Có thể là do bình Ắc quy vừa bị tháo và gắn lại Nhấp nháy: Hệ thống trợ lực lái bị lỗi hoặc bị khóa
	Nhấp nháy: hệ thống bôi trơn của xe bị hỏng. Sáng: Mức dầu quá thấp.
	Hệ thống kiểm soát lực kéo (TSC) bị tắt.
	Lỗi ABS hoặc ABS đang không hoạt động
	Đèn sương mù sau bật
	Bóng đèn hỏng
	Nhấp nháy hoặc sáng: có vấn đề ở động cơ
	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ
	Hệ thống gạt mưa bị lỗi
	Sáng: Áp suất lốp quá thấp Nhấp nháy: Lỗi hệ thống theo dõi suất lốp
	Mức nước rửa kính quá thấp
	Mức nhiên liệu thấp quá mức
	Lỗi túi khí và lỗi hệ thống dây đai an toàn

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

	Túi khí phía trước bị ngắt hoạt động HOẶC: lỗi hệ thống túi khí
	Tín hiệu rẽ trái hoặc phải Đèn ưu tiên đang bật
	Sáng: Giữ bàn đạp chân phanh Nhấp nháy: chưa về số P.
	Hệ thống Kiểm soát hành trình đang hoạt động
	Đèn pha bật hoặc nhấp pha
	Sáng: Nhắc nhở bảo dưỡng hoặc quá ngày bảo dưỡng. Nhấp nháy: Lỗi ở hộp số tự động.

7. Trên trần xe

- ① Gương chiếu hậu trong xe.
- ② Công tắc đèn trần bên trái/ phải.
- ③ Đèn trần bên trái/phải.
- ④ Công tắc sáng đèn trần khi mở cửa.
- ⑤ Cảm biến chuyển động bên trong xe (hệ thống chống trộm).



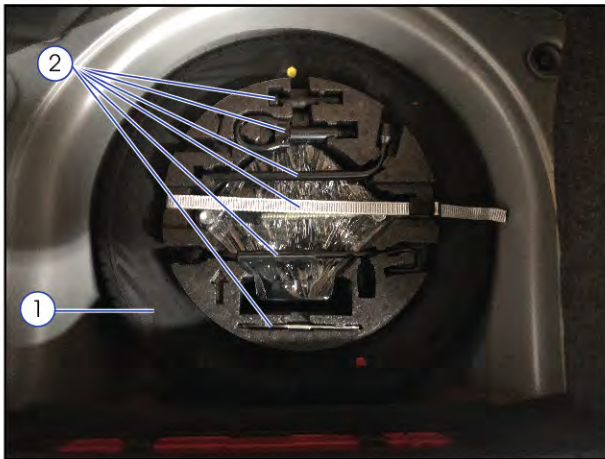
IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

8. Khoang hành lý phía sau

a. Tổng quan bên hông khoang hành lý



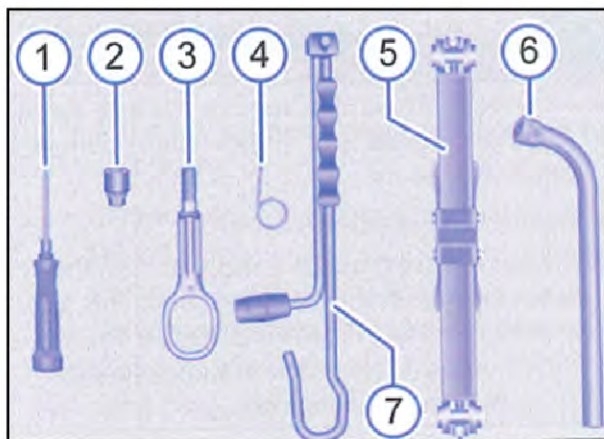
b. Bánh xe dự phòng và đồ nghề theo xe bên dưới thảm khoang hành lý



- ① Bánh dự phòng.
- ② Các đồ nghề theo xe

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

c. Các đồ nghề theo xe



- ① Tựa vít.
- ② Dụng cụ tháo bu lông chống trộm.
- ③ Móc kéo xe.
- ④ Dụng cụ tháo nắp chụp bu lông bánh xe.
- ⑤ Con đội.
- ⑥ Tuýp tháo bu lông bánh xe.
- ⑦ Tay quay con đội bánh xe.

V. VẬN HÀNH XE

1. Tổng quan chìa khóa và thao tác đóng/mở các cửa, cốp sau và nâng hạ kính.

a. Chìa khóa

- ① Công tắc mở khóa xe.
- ② Công tắc cốp.
- ③ Công tắc khóa xe.
- ④ Công tắc mở/gập lại chìa cơ.
- ⑤ Đèn báo tín hiệu chìa khóa



Đèn báo trên chìa khóa

Đèn báo ⑤ trên chìa khóa sẽ sáng khi bạn bấm một trong các nút chức năng trên chìa. Tiến hành thay pin chìa khóa nếu như đèn báo không sáng. (Tham khảo trang 57).

Gấp/ mở chìa khóa cơ

Bấm vào nút ④ để mở khóa cơ.
Để gập lại, bạn bấm vào nút ④ đồng thời gập chìa khóa cơ lại đến khi nghe tiếng “click” phát ra.

Các nút chức năng trên chìa khóa

Chìa khóa có thể khóa/ mở khóa xe ở một khoảng cách nhất định.
Nếu xe không thể khóa/ mở khóa bằng các nút trên chìa được, bạn cần dùng chìa khóa cơ để mở xe (tham khảo trang 56) hoặc tiến hành thay pin cho chìa khóa hoặc đến ngay đại lý được ủy quyền của Volkswagen để kiểm tra.

Lưu ý:

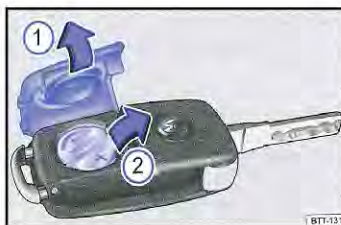
Bên trong chìa khóa là các mạch điện tử. Vì thế, bạn vui lòng giữ chìa khóa tránh các tác nhân có thể dẫn đến hư hỏng. (Ấm mốc rung động).

V. VẬN HÀNH XE

Hướng dẫn cách thay pin

- ① Mở nắp che trên thân chìa khóa.
- ② Tháo pin ra.

Volkswagen khuyến cáo khi muốn thay Pin của chìa khóa, Khách hàng vui lòng đến Xưởng dịch vụ chính hãng của Volkswagen để được hỗ trợ.



! Lưu ý:

Chìa khóa xe có thể bị hư hỏng nếu việc thay pin không được tiến hành đúng cách.

Pin không phù hợp có thể gây ra hư hỏng cho chìa khóa. Pin mới được thay cho pin cũ phải phù hợp về điện áp (Số vôn), cùng kích cỡ và cùng tiêu chuẩn kỹ thuật.

! Lưu ý:

Chức năng điều khiển từ xa của chìa khóa có thể bị ảnh hưởng tạm thời nếu có nhiều bộ phát sóng hoạt động cùng lúc trong phạm vi hoạt động của chìa khóa. (VD: điện thoại di động)

Vật cản giữa chìa khóa và xe càng nhiều, thời tiết xấu, pin của chìa khóa yếu cũng hạn chế phạm vi hoạt động của chìa khóa.

Nếu bấm một trong các công tắc trên chìa khóa nhiều lần trong một khoảng thời gian ngắn, thì hệ thống điều khiển trung tâm sẽ tạm thời ngừng hoạt động để tránh tình trạng quá tải. Trong lúc đó xe bạn sẽ tự động mở khóa. Bạn vui lòng lưu ý khóa xe bằng chìa cơ nếu cần thiết.

V. VẬN HÀNH XE

b. Mở/ khóa xe từ bên ngoài

Mở khóa từ xa bằng cách bấm nút mở khóa (nút ①) hoặc dùng chìa khóa cơ mở khóa ở cửa tài.

Để khóa xe, bạn bấm vào nút khóa (nút ③) hoặc dùng chìa khóa cơ khóa ở cửa tài.

Để mở cốp, bạn bấm vào nút ②.

- Khi khóa xe, tất cả đèn tín hiệu sẽ nháy một lần.
- Khi mở khóa xe, tất cả đèn tín hiệu sẽ nháy hai lần.

Nếu đèn tín hiệu không nháy thì:

- Có cửa xe vẫn còn đang mở.
- **HOẶC:** hệ thống đang tiến hành đóng các cửa sổ vẫn còn đang mở.



Lưu ý:


Xe có trang bị chức năng tự động khóa cửa Auto Lock khi chạy xe đạt 15 km/h, sau đó nếu bạn dừng lại và đón người khác lên xe, bạn phải bấm công tắc mở khóa cửa trung tâm (trên cửa người lái) thì người bên ngoài mới mở cửa được.


Nếu muốn khóa cửa, bạn có thể bấm công tắc khóa cửa trung tâm (trên cửa người lái) thì người bên ngoài không mở cửa được mà chỉ người bên trong mới mở cửa được.

Nếu các cửa sau bị khóa bằng công tắc chống trẻ em mở cửa thì các cửa này không thể mở từ bên trong mà chỉ có thể mở từ bên ngoài.


V. VẬN HÀNH XE

c. Mở/ khóa xe từ bên trong

Bấm  nút để mở xe.

Bấm  nút để khóa xe.

Lưu ý khi sử dụng nút mở/ khóa xe:

- Nút  sẽ sáng khi tất cả các cửa đã được đóng và khóa.
- Không thể mở cửa hoặc cốp từ bên ngoài.
- Chỉ có thể mở cửa từ bên trong xe bằng cách kéo lẫy trên cánh cửa.



d. Khóa trẻ em

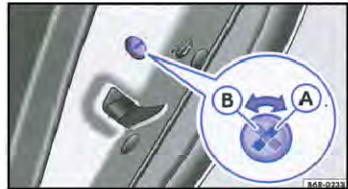
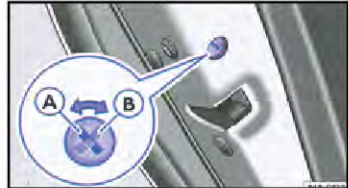
Khóa trẻ em ngăn việc cửa mở từ bên trong một cách vô ý, qua đó tránh được những tai nạn đáng tiếc xảy ra cho trẻ em.

Vị trí (A): Đã mở khóa trẻ em.

Vị trí (B): Khóa trẻ em đang gài.

Cách mở/gài khóa trẻ em.

- Mở khóa xe và mở cửa sau bên trái/ phải.
- Bấm mở chìa khóa cơ.
- Cắm vào lỗ và vặn vào vị trí mở/gài khóa trẻ em.



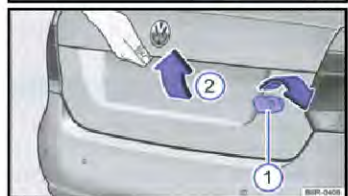
e. Đóng/mở cốp xe

Để mở cốp đối với xe hatchback:

- Bấm nút mở khóa xe hoặc mở cốp trên chìa khóa.
- Nhấn vào đỉnh logo Volkswagen ①. Thì đáy logo sẽ bị đẩy ra ②.
- Nhấc cốp xe lên.

Để mở cốp xe sedan:

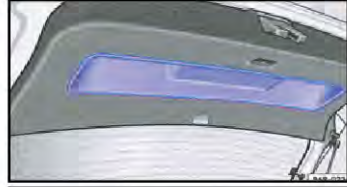
- Bấm nút mở khóa xe hoặc mở cốp trên chìa khóa.
- Nhẹ nhàng ấn vào nút ② và nhấc cốp lên cho tới hết hành trình.




V. VẬN HÀNH XE

Để đóng cốp xe:


- Nắm vào chỗ trên cốp như được tô xanh trong hình.
- Kéo cốp xuống cho tới khi nghe tiếng khóa.
- Kiểm tra lại bằng cách nhấc cốp lên để đảm bảo cốp đã được khóa.




f. Đóng/mở kính cửa

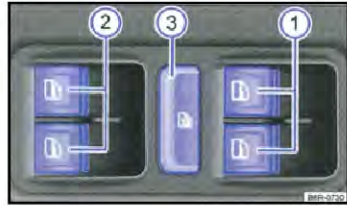
Bấm  nút để mở cửa sổ.

Kéo  nút để đóng cửa sổ.

Nút  để khóa không cho đóng mở cửa sổ phía sau.

Cửa sổ có thể đóng mở chỉ bằng việc thao tác kéo/mở nút  một lần.

Bên cạnh đó, hệ thống cửa sổ điện còn được trang bị chức năng an toàn chống kẹt, để tránh trường hợp gây tai nạn không đáng có.



2. Điều chỉnh tư thế ngồi

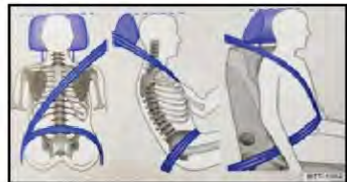
2.1. Hình minh họa về tư thế ngồi đúng bao gồm về việc điều chỉnh khoảng cách từ ngực đến vô lăng, thắt dây an toàn, tựa đầu.

Trong đó:

Ⓐ Khoảng cách từ vô lăng đến trước ngực là ít nhất 25 cm.

Ⓑ Khoảng cách từ táp-lô đến đầu gối là ít nhất 10 cm.

Vị trí đúng của tựa đầu và dây an toàn.



V. VẬN HÀNH XE

- 2.2.** Vị trí đúng của tựa đầu và dây an toàn trong trường hợp mang thai



3. Chỉnh vô lăng

Vô lăng có thể điều chỉnh theo 4 hướng (cao/thấp và gập gù) như mũi tên trong hình bên.

Để chỉnh được vô lăng, bạn phải nhả khóa bằng cách gạt cần ① xuống dưới. Sau khi chỉnh, bạn phải khóa lại bằng cách gạt cần ① lên phía trên.



4. Sử dụng dây đai an toàn

a. Cách thắt dây an toàn

Luôn luôn thắt dây an toàn trước mỗi chuyến đi.

- Luôn luôn điều chỉnh ghế và tựa đầu ở vị trí phù hợp.
- Điều chỉnh lưng ghế ở vị trí sao cho việc ngồi và quan sát được thoải mái.
- Nắm lấy đai an toàn và kéo sao cho vừa với cơ thể.
- Sau đó, gài khóa dây đai an toàn.
- Kiểm tra lại dây đai đã được thắt chặt hay chưa.



b. Cách tháo dây an toàn

Chỉ tháo dây khi xe đã tắt máy và đậu vào nơi an toàn.

- Ấn vào công tắc đỏ ở chỗ gài dây an toàn.
- Sau đó, cầm dây an toàn để dây tự động rút lại đúng vị trí.



V. VẬN HÀNH XE

c. Điều chỉnh dây an toàn

- Cắm và ấn vào bộ điều chỉnh chiều cao của dây an toàn theo mũi tên trong hình.
- Sau đó, giữ và di chuyển bộ điều chỉnh dây an toàn lên và xuống sao cho phù hợp với cơ thể.
- Khi đã điều chỉnh xong, buông bộ điều chỉnh.
- Kiểm tra lại bằng cách thử kéo lên và kéo xuống để chắc chắn rằng bộ điều chỉnh đã cố định ở vị trí mong muốn.



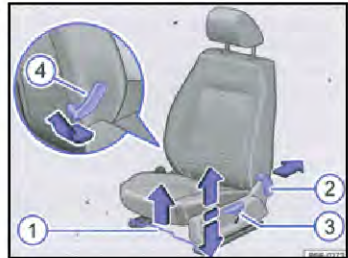
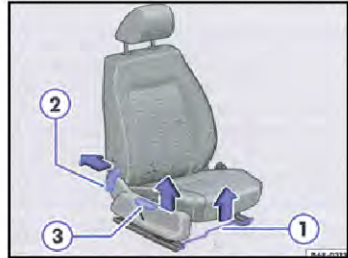
5. Chỉnh ghế hàng ghế thứ nhất

Kéo cần ① lên để di chuyển ghế về phía trước/sau.

Gạt lẫy ② để thay đổi vị trí lưng ghế.

Gạt lẫy ③ để nâng ghế lên hoặc hạ ghế xuống.

Kéo lẫy ④ theo hướng mũi tên để di chuyển ghế (chỉ có ở hàng ghế phụ phía trước).



6. Chỉnh ghế hàng ghế thứ 2

a. Để gập nệm hàng ghế thứ 2

Để gập nệm hàng ghế thứ 2 xuống, bạn thao tác như sau:

- Hướng như mũi tên ①.
- Gập nệm hàng ghế thứ 2 theo hướng như mũi tên ②.

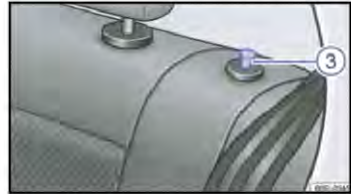
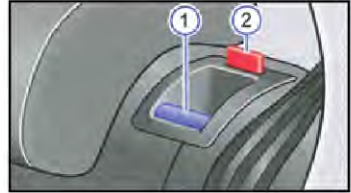


V. VẬN HÀNH XE

b. Gấp lưng ghế hàng ghế thứ 2

Để gấp lưng ghế hàng ghế thứ 2, bạn thao tác như sau:

- Kéo tựa đầu xuống mức thấp nhất hoặc tháo luôn tựa đầu.
- Kéo nút ① lên hoặc kéo nút ③ đồng thời gấp lưng hàng ghế thứ 2 xuống.
- Lưng ghế hàng ghế thứ 2 di chuyển khỏi vị trí cố định khi bạn nhìn thấy ② ở vị trí nút kéo ①



c. Kéo lại lưng ghế hàng ghế thứ 2

Để kéo lại lưng ghế hàng ghế thứ 2, bạn thao tác như sau:

- Đẩy lưng ghế lên tới khi nghe tiếng “click”.
- Bạn không nhìn thấy ② ở vị trí nút kéo ① nữa.
- Di chuyển hàng ghế thứ 2 xem đã cố định ở vị trí chắc chắn chưa.
- Gắn lại tựa đầu (nếu đã tháo).

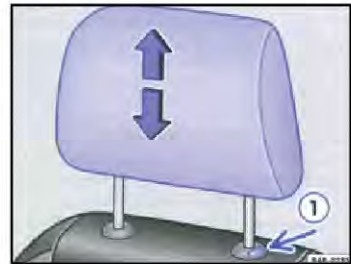
7. Chỉnh, tháo tựa đầu

Điều chỉnh:

- Bấm vào nút ① như trong hình và sau đó điều chỉnh tựa đầu tới vị trí mong muốn theo hướng mũi tên.
- Phải đảm bảo rằng tựa đầu đã nằm chắc chắn ở vị trí đã chọn.

Tháo tựa đầu.

- Gấp lưng ghế ngã hết về sau.
- Bấm vào nút ① trong hình và sau đó tháo tựa đầu.



V. VẬN HÀNH XE


8. Hệ thống cảnh báo chống trộm

Hệ thống chống trộm sẽ hoạt động khi phát hiện có chuyển động bên trong xe khi xe đang khóa.

Kích hoạt

- Kích hoạt hệ thống bằng cách khóa xe bằng chìa khóa.

Tắt hệ thống

- Ấn nút . Đèn báo sẽ sáng lên ở vị trí nút bấm cho tới khi xe được khóa lại.
- Đóng tất cả cửa và cốp, nắp ca pô.
- Khóa xe lại bằng chìa khóa. Hệ thống chống trộm sẽ tắt cho tới khi xe được khóa lần tiếp theo.

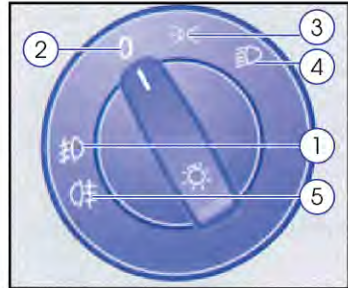


9. Công tắc đèn của xe

a. Đèn chiếu sáng

Đèn xe được tắt/mở bằng cách xoay núm xoay như hình bên đến các vị trí tương ứng:

- ① Bật đèn sương mù trước: Để bật, kéo cần vận lên một nấc. Đèn báo sẽ hiện lên táp-lô.
- ② Tắt đèn chiếu sáng
- ③ Bật đèn kích thước.
- ④ Bật đèn chiếu gần.
- ⑤ Bật đèn sương mù sau. Để bật, kéo cần vận lên hai nấc. Đèn báo sẽ hiện lên táp-lô.



Điều chỉnh khoảng cách chiếu sáng của đèn

Công tắc này dùng để điều chỉnh khoảng cách chiếu sáng của đèn chiếu gần cho phù hợp với tải trọng hiện tại của xe, giúp bảo đảm tầm nhìn của bạn, và không làm chói mắt xe đối diện.



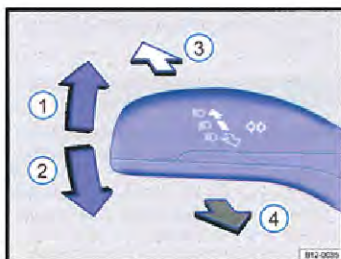
V. VẬN HÀNH XE

Bật đèn chiếu xa

- ③ Bật đèn chiếu xa.
- ④ Nháy đèn chiếu xa (đá pha) nếu kéo.

b. Đèn tín hiệu báo rẽ:

- ① Đèn rẽ phải.
- ② Đèn rẽ trái



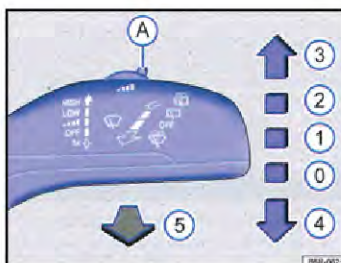
c. Đèn cảnh báo/ưu tiên:

- Nhấn một lần, các đèn báo rẽ sẽ nhấp nháy. Nhấn thêm lần nữa để tắt.



10. Công tắc gạt mưa

- ① Tắt gạt mưa.
- ① Điều chỉnh chế độ gạt mưa 1 lần → Ⓐ Dùng để điều chỉnh mức độ liên tục của chế độ hoặc để điều chỉnh độ nhạy của cảm biến gạt mưa.
- ② Chế độ gạt mưa chậm.
- ③ Chế độ gạt mưa nhanh.
- ④ Chế độ gạt mưa một lần.
- ⑤ Kích hoạt chế độ phun nước rửa kính chắn gió trước.
- ⑥ Kích hoạt gạt mưa kính chắn gió sau. Gạt mưa sau sẽ kích hoạt mỗi 6 giây.
- ⑦ Kích hoạt chế độ phun nước rửa kính chắn gió sau.

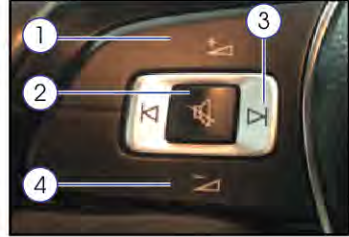


V. VẬN HÀNH XE

11. Công tắc đa năng trên vô lăng

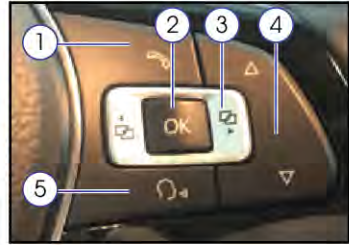
a. Công tắc bên trái

- ① Tăng âm lượng.
- ② Nút tắt âm thanh.
- ③ Nút chuyển bài hát.
- ④ Nút giảm âm lượng.



b. Công tắc bên phải

- ① Nút bật cuộc gọi. (Dùng khi điện thoại đã kết nối với xe).
- ② Nút xác nhận lựa chọn.
- ③ Nút chỉnh qua lại giữa các thanh menu trên màn hình tập-lô.
- ④ Nút chỉnh lên xuống trong thanh menu trên màn hình tập-lô.
- ⑤ Nút bật chức năng Voice Control (Nếu có trang bị).



Cách sử dụng chức năng kiểm soát hành trình (Cruise control) (nếu có trang bị).

Để bật hệ thống.

Gạt cần ② sang vị trí **ON**.

Sau đó, nhấn nút ③ để lưu trữ tốc độ hiện tại của xe vào hệ thống.

Nhấn nhanh nút ① để tăng tốc độ, nhấn nhanh nút ③ để giảm tốc độ. (Mỗi lần tăng/ giảm 1 km/h).

Để tắt hệ thống.

Để tắt tạm thời, bạn gạt cần ② sang vị trí **CANCEL** hoặc đạp phanh. Sau đó, nếu muốn bật lại, bạn bấm nút ①.

Để tắt luôn hệ thống, bạn gạt cần ② sang vị trí **OFF**.



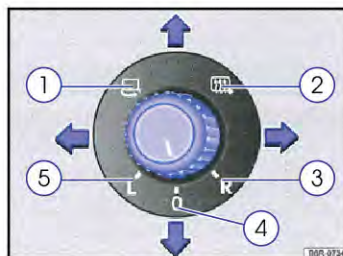
V. VẬN HÀNH XE

12. Công tắc điều chỉnh gương chiếu hậu

Chỉnh gương chiếu hậu bên ngoài xe.

Cách kích hoạt:

- Bật chìa khóa.
 - Vận nút xoay ở cửa tài vào vị trí mong muốn.
- ① Gập gương (đối với gương chiếu hậu ngoài có motor).
 - ② Kích hoạt chế độ sưởi gương. (Chế độ sưởi gương chỉ hoạt động trong điều kiện nhiệt độ dưới 20°C (68°F).
 - ③ Điều chỉnh gương chiếu hậu ngoài bên phải.
 - ④ Ở vị trí này, hai gương chiếu hậu ngoài không thể điều chỉnh được và tất cả chức năng đều bị tắt.
 - ⑤ Điều chỉnh gương chiếu hậu ngoài bên trái.



Đẩy nút xoay về phía trước, phía sau, trái hoặc phải để điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu ngoài.

13. Khởi động động cơ



- ① Vị trí tắt chìa khóa – chìa khóa có thể rút ra.
- ① Vị trí bật chìa khóa – vô lăng đã được mở khóa.
- ② Vị trí khởi động động cơ – sau khi động cơ khởi động thì buông chìa khóa. Ngay khi bạn buông chìa khóa thì nó sẽ quay lại vị trí ①.

V. VẬN HÀNH XE



Lưu ý:

Đỗ xe mà chìa khóa vẫn bật, thì sẽ mau làm giảm tuổi thọ của ắc quy.

• Luôn tắt chìa khóa trước khi rời khỏi xe.

Máy để của xe có thể bị hư hỏng nếu bạn định khởi động xe khi chiếc xe đang di chuyển hoặc khi xe vừa mới tắt máy mà bạn đã khởi động lại ngay.

Không được vừa đẩy xe vừa để máy, vì lượng nhiên liệu chưa được đốt hết có thể gây hư hỏng cho động cơ.

14. Cần sang số

Khi bật chìa khóa, vị trí số đang được chọn sẽ được hiển thị trên màn hình của Táp-lô.

P - Parking (Phanh hộp số).

Được sử dụng khi đậu xe. Để chuyển sang số khác từ số **P**, bạn phải bật chìa khóa ON, tiến hành đạp bàn đạp phanh, nhấn vào công tắc khóa trên cần số và kéo cần số đến vị trí số mà bạn muốn

R - Reverse (Số lùi).

Chỉ lùi xe khi xe đứng yên sau đó cài số **R**.

N - Neutral (Số N).

Khi xe được cài số **N**, lực kéo từ động cơ sẽ không được truyền tới các bánh xe.

D/S - Vị trí chọn số tiến.

Vị trí D (Drive - Chế độ tự động).

Tất cả vị trí số tiến được tăng giảm hoàn toàn tự động phụ thuộc vào tải động cơ, cách lái xe và tốc độ của xe.

Vị trí S (Sport - Chế độ thể thao).

Vị trí của các số tiến có thể thay đổi sớm hơn hoặc muộn hơn phụ thuộc vào người lái.



V. VẬN HÀNH XE

15. Khóa cần số

Công tắc khóa cần số nằm trên đầu và phía trước cần số. Cần số sẽ bị khóa khi đang ở số **P** hoặc **N** để tránh trường hợp Cần số bị vô ý dịch chuyển có thể làm xe di chuyển. Muốn sang số khác từ **P** và **N**, bạn phải bấm giữ công tắc khóa này trong khi chuyển số.



Lưu ý:

Việc chọn số sai có thể làm bạn mất kiểm soát chiếc xe của mình có thể dẫn đến tai nạn và chấn thương.

Không được phép sử dụng bàn đạp ga trong lúc đang chuyển số.

Khi động cơ đang nổ, xe có thể dịch chuyển ngay khi số tiến được cài và nhả bàn đạp phanh mà không cần tác dụng vào bàn đạp ga.

Không được phép cài số R và P khi xe đang di chuyển.

Lưu ý về một số trường hợp xe có thể di chuyển đột ngột và gây tai nạn:

Chỉ được phép rời khỏi xe khi đã bật hệ thống phanh tay điện tử và cài số P.

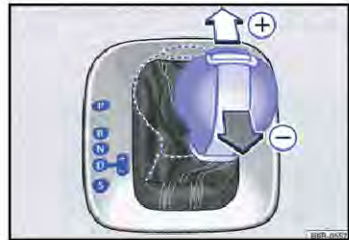
Nếu động cơ đang nổ và đang ở số D/S hoặc R thì phải giữ bàn đạp phanh. Xe sẽ di chuyển ngay khi buông bàn đạp phanh.

Không được rời khỏi xe khi đang cài số N vì xe có thể bị trôi mặc dù động cơ có đang nổ hay không.

16. Chế độ thể thao và lấy số trên vô lăng (Tiptronic).

Cách chuyển số bằng cần số:

- Khi cần số đang ở vị trí D/S, đẩy cần số qua phải.
- Giữ cần số và đẩy lên + nếu muốn tăng số và kéo xuống - nếu muốn giảm số.
- Trong quá trình sử dụng chế độ thể thao không cần nhấn công tắc khóa cần số.



Cách chuyển số bằng lấy số trên vô lăng:


- Để tăng số, tiến hành kéo lấy bên phải trên vô lăng (Có ký hiệu dấu +).
- Để giảm số, tiến hành kéo lấy bên trái trên vô lăng (Có ký hiệu dấu -).
- Để hủy bỏ chế độ chuyển số bằng lấy, kéo lấy bên phải và giữ trong khoảng 1 giây.



V. VẬN HÀNH XE

17. Phanh tay

Để gài phanh tay, bạn thao tác như sau:

- Kéo phanh tay lên.
- Khi phanh tay đã được gài, biểu tượng sẽ  sáng trên đồng hồ táp-lô.



Để nhả phanh tay, bạn thao tác như sau:

- Kéo nhẹ phanh tay lên, sau đó bấm vào khóa ở đầu phanh tay (chỗ mũi tên).
- Đẩy phanh tay xuống hết mức.
- Đèn báo trên táp-lô sẽ tắt đi.

Lưu ý:

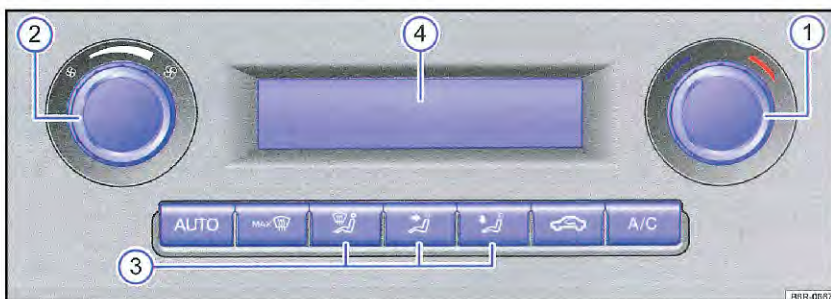
Việc sử dụng phanh tay sai cách có thể dẫn đến tai nạn, chấn thương nghiêm trọng:

- Phanh tay không nên được dùng để phanh xe, trừ trường hợp khẩn cấp. Vì quãng đường phanh sẽ dài hơn do phanh tay chỉ có tác động lên hai bánh xe sau.
- Không được lái xe khi chưa nhả hết phanh tay. Điều này có thể làm cho phanh sau bị quá nhiệt và dẫn đến mất phanh bánh xe sau. Việc này cũng làm nhanh mòn má phanh sau.

V. VẬN HÀNH XE

18. Hệ thống điều hòa tự động (Climatronic).

Công tắc phía trước hộp trung tâm



1	Núm xoay điều chỉnh nhiệt độ.
2	Núm xoay điều chỉnh tốc độ quạt.
3	A/C: Dùng để bật/tắt hệ thống điều hòa.
	AUTO: Dùng để bật/tắt chế độ tự động của hệ thống điều hòa. Chế độ tự động thiết lập mức nhiệt độ cố định trong cabin. Chế độ sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ, tốc độ quạt của hệ thống điều hòa. Chế độ tự động sẽ tắt ngay khi bạn chủ động can thiệp vào hệ thống điều hòa.
	Thổi gió vào mặt.
	Thổi gió vào chân.
	Thổi gió vào kính chắn gió và chân.
	Thổi gió vào kính chắn gió.
	Chức năng sưởi kính chắn gió trước: Để có thể làm tan băng trên kính chắn gió nhanh nhất có thể thì kính được sấy ở nhiệt độ $\geq 30^{\circ}\text{C}$ ($+38^{\circ}\text{F}$) và quạt sẽ hoạt động ở tốc độ cao nhất.
	Chức năng lấy gió trong.
	Sưởi kính chắn gió sau: Chỉ hoạt động khi động cơ được khởi động và tự động tắt sau khi hoạt động tầm 10 phút.

V. VẬN HÀNH XE

19. Hệ thống thông tin và giải trí.



- ① Nút vào mục điện thoại kết nối qua Bluetooth.
- ② Nút vào chức năng App Connect.
- ③ Nút vào mục cài đặt chính.
- ④ Màn hình hệ thống thông tin và giải trí tích hợp chức năng cảm ứng.
- ⑤ Nút di chuyển trong các mục và chỉnh kênh trong Radio.
- ⑥ Cổng USB, AUX, khe thẻ nhớ.
- ⑦ Nút chỉnh âm lượng và tắt/khởi động đầu Radio.
- ⑧ Nút vào chức năng phát nhạc.
- ⑨ Nút vào mục phát thanh Radio.

Một số tính năng chính của hệ thống thông tin và giải trí.

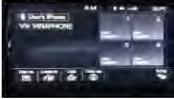




- Chức năng radio với sóng AM/FM.
- Kết nối với điện thoại thông qua Bluetooth.
- App-connect (Kết nối với điện thoại thông qua dây cáp).
- Phát nhạc qua thẻ SD, USB, CD.
- Hỗ trợ hiển thị cảm biến khoảng cách.

V. VẬN HÀNH XE

Giải thích về một số tính năng chính như bên dưới:

Số	Chức năng	Mô tả	Hình ảnh	Ghi chú
1	Đài Radio với sóng AM/FM.	Cho phép bạn lựa chọn sử dụng sóng AM hoặc FM.	 	<p>Kích hoạt chức năng dò đài tự động bằng cách bấm vào mục Scan.</p> <p>Điều chỉnh âm lượng bằng cách bấm vào mục Sound.</p> <p>Tim một đài cụ thể bằng cách chọn mục Seek station.</p>
2	Chức năng chơi nhạc.	Cho phép bạn lựa chọn nguồn chơi nhạc. Hệ thống hỗ trợ chơi nhạc từ bốn nguồn: USB, thẻ nhớ, điện thoại hoặc thiết bị khác kết nối bằng dây AUX hoặc qua Bluetooth.		<p>Để sử dụng thẻ nhớ, bạn cắm thẻ nhớ và chọn mục SD card.</p> <p>Để sử dụng USB, bạn cắm USB vào và chọn mục USB.</p> <p>Để sử dụng chức năng Bluetooth hoặc AUX, bạn bật chức năng Bluetooth ở thiết bị hoặc cắm dây rồi chọn mục tương ứng trên hệ thống.</p>

V. VẬN HÀNH XE

Số	Chức năng	Mô tả	Hình ảnh	Ghi chú
3	Kết nối với điện thoại bằng Bluetooth.	Sử dụng điện thoại mà không cần thao tác trực tiếp, sử dụng thông qua kết nối bluetooth với hệ thống.	 	Bật chức năng Bluetooth ở điện thoại, sau đó bạn bấm vào nút PHONE , chọn tên thiết bị hiện lên ở hệ thống và bấm vào. Hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại.
4	Kết nối với điện thoại qua phần mềm App Connect.	Sử dụng điện thoại mà không cần thao tác trực tiếp, sử dụng thông qua kết nối bằng dây cáp với hệ thống.	 	Cắm dây cáp vào điện thoại, và kết nối với hệ thống. Sau đó, bạn bấm vào nút APP , tiếp đó hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại.
5	Điều chỉnh một số chức năng trong mục Cài đặt.	Bạn có thể điều chỉnh âm thanh, độ sáng của màn hình, ngôn ngữ hiển thị, bật/tắt chức năng Bluetooth của hệ thống, hoặc trả hệ thống về tình trạng ban đầu.	 	Bạn bấm vào nút SETUP , sau đó bấm vào mục mà bạn muốn điều chỉnh.

V. VẬN HÀNH XE

20. Mở nắp khoang động cơ

Lưu ý

Trước khi mở nắp khoang động cơ, phải kiểm tra bảo đảm cần gạt mưa phải nằm sát vào kính chắn gió.

- Kéo cần mở khóa nắp khoang động cơ (nằm phía trong cửa người lái như hình bên) theo hướng mũi tên.
- Kéo lẫy ở bên dưới, phía trước nắp khoang động cơ (như hình) theo hướng đi lên, sau đó nhấc lên tới vị trí cao nhất. (cố định bằng thanh gà).



21. Mở nắp thùng nhiên liệu

- Bấm công tắc mở khóa trên cửa người lái hoặc trên chìa khóa như trong hình.
- Mở nắp che thùng nhiên liệu.
- Vận nắp thùng nhiên liệu ra.
- Đổ nhiên liệu xong, tiến hành vận nắp thùng nhiên liệu cho chặt và đóng nắp che thùng nhiên liệu lại.



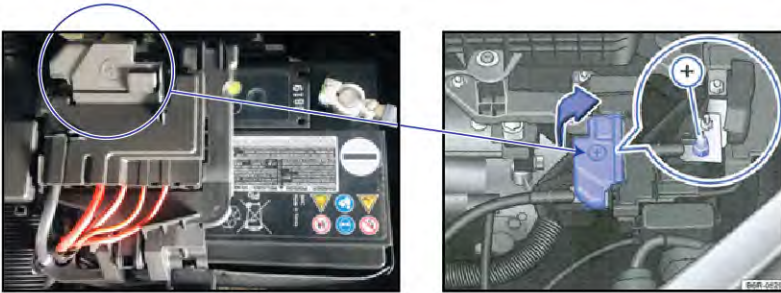
VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

1. Không khởi động được do yếu bình – Cách cứu bình

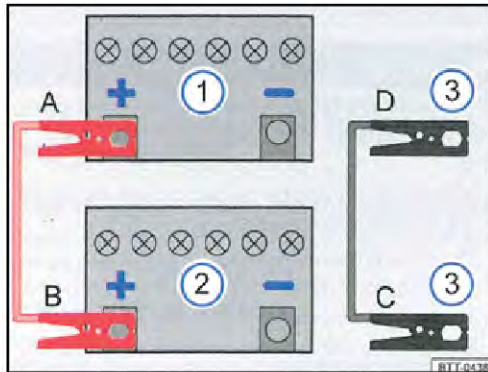
⚠ Cảnh báo:

Xe của bạn được trang bị hộp số tự động nên không thể đẩy xe để khởi động động cơ mà phải cứu bình/ sạc bình để khởi động. Nếu không sẽ gây hư hỏng cho xe.

Hình ảnh ốc quy trên xe:



Cách nối dây cứu bình:



Nối dây theo thứ tự A-B-C-D như hình.

- ① Xe cần được cứu bình.
- ② Xe hỗ trợ.
- ③ Vị trí nối mát thân xe của xe cần được cứu bình hoặc cọc âm (-) của bình (hoặc mát thân xe) trên xe hỗ trợ.

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Quy trình cứu bình:

- Cách nối cọc bình

- Ngắt chìa khóa ở cả 2 xe.
- Mở nắp che cọc dương của bình.
- Nối một đầu của dây nối màu đỏ vào cọc dương (+) trên bình xe cần được cứu bình hoặc nối vào điểm cứu bình ở cọc dương ①. Đầu còn lại kết nối vào cọc dương của xe hỗ trợ ②.
- NSX khuyến cáo không nối trực tiếp dây màu đen vào cọc âm (-). Nối một đầu của dây nối màu đen vào vị trí nối mát thân xe của xe cần được cứu bình ③, đầu còn lại nối vào cọc âm (-) của bình (hoặc mát thân xe) trên xe hỗ trợ ③.
- Kiểm tra đảm bảo dây nối không vướng vào các bộ phận chuyển động ở khoang động cơ.

- Nổ máy

- Nổ máy của xe hỗ trợ và để ở chế độ cầm chừng.
- Tiến hành nổ máy trên xe cần được cứu bình chờ từ 2 đến 3 phút để động cơ nổ êm.

- Tháo dây cứu bình

- Trước khi nối dây cứu bình nên tắt đèn pha trên xe nếu nó đang được bật.
- Bật quạt của hệ thống điều hòa hoặc chế độ sưởi của xe bị hết bình để đảm bảo máy phát hoạt động tối đa công suất.
- Tháo dây cứu bình theo thứ tự D-C-B-A.
- Đưa xe bạn đến đại lý gần nhất để kiểm tra ắc quy.



Cảnh báo:

Thao tác nối dây cứu bình phải đúng cách, nếu không sẽ có thể gây hư hỏng cho các thiết bị điện trên xe hoặc nổ ắc quy gây thương tích cho bạn.

Chỉ được dùng bình ắc quy cùng điện áp (12V) với ắc quy của xe bạn khi tiến hành cứu bình.

Chỉ nên để máy trong khoảng thời gian từ 5s -10s. Nếu không nổ máy được thì phải tắt một lúc rồi mới để lại.

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

2. Không thể mở cửa xe, cốp xe bằng chìa khóa điện tử do chìa khóa hết pin, ắc quy hết điện

a. Mở/khóa cửa người lái bằng chìa khóa cơ

Nếu xe được khóa bằng chìa khóa cơ, thông thường tất cả các cửa sẽ bị khóa lại. Khi mở bằng chìa khóa cơ, chỉ mỗi cửa người lái được mở khóa.

Cách mở khóa bằng chìa cơ:

- Tra chìa khóa cơ vào lỗ khóa trên cửa tài.



Lưu ý:

Hệ thống chống trộm vẫn hoạt động tuy nhiên sẽ không có cảnh báo khi mở cửa bằng chìa khóa cơ.

Hệ thống cảnh báo sẽ được kích hoạt nếu cửa người lái bị mở và chìa khóa không bật trong thời gian 15 giây.

Sau khi mở khóa, xe cần được cân bằng để khởi động.

Khi đã bật được chìa khóa, hệ thống sẽ tự động nhận dạng chìa khóa và vô hiệu hóa cảnh báo chống trộm.

b. Mở cốp sau bằng chìa khóa

Hướng dẫn mở cốp bằng chìa khóa cơ đối với xe hatchback:

- Gập hết 2 hàng ghế phía sau.
- Lấy hết vật dụng trong cốp ra ngoài để bạn dễ dàng thao tác bên trong cốp.
- Xác định vị trí cơ cấu nhả khóa nằm ở phần dưới của cửa cốp xe.
- Bật chìa khóa cơ ra và đưa vào bên trong ổ khóa.
- Đẩy theo hướng mũi tên để mở khóa cốp.



VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Hướng dẫn mở cốp bằng chìa khóa cơ đối với xe hatchback:

- Gập hết 2 hàng ghế phía sau.
- Lấy hết vật dụng trong cốp ra ngoài để bạn dễ dàng thao tác bên trong cốp.
- Đẩy lấy khóa theo mũi tên như trong hình để mở cốp.



3. Hướng dẫn cách thay pin

Trong trường hợp hết pin không thể khởi động xe và bạn ở quá xa Đại lý, bạn có thể tiến hành thay pin như sau:

- ① Mở nắp che trên thân chìa khóa.
- ② Tháo pin ra.

Tuy nhiên, Volkswagen khuyến cáo khi muốn thay pin của chìa khóa, khách hàng vui lòng đến Xưởng dịch vụ chính hãng của Volkswagen để được hỗ trợ.



Lưu ý:

Chìa khóa xe có thể bị hư hỏng nếu việc thay pin không được tiến hành đúng. Pin không phù hợp có thể gây ra hư hỏng cho chìa khóa. Pin mới được thay cho pin cũ phải phù hợp về điện áp (Số vôn), cùng kích cỡ và cùng tiêu chuẩn kỹ thuật.

Chắc chắn rằng pin mới được lắp đúng vào chìa khóa.

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

4. Thay bánh xe dự phòng

Một số chuẩn bị trước khi thay bánh xe dự phòng:

- Đổ xe ở vị trí có bề mặt kiên cố, càng bằng phẳng càng tốt, giữ khoảng cách an toàn so với đường giao thông.
- Cài phanh tay và Cài số **P**.
- Tắt chìa khóa và rút chìa khóa ra khỏi xe.
- Yêu cầu tất cả hành khách rời khỏi xe và lấy hết tất cả dụng cụ, đồ dùng bên trong cốp xe ra ngoài.
- Chặn bánh xe để phòng bị trôi xe.

Bước 1: Lấy bánh xe dự phòng ra khỏi xe:

Bánh xe dự phòng được đặt bên trong khoang hành lý ở cốp sau.



Bước 2: Tháo nắp che bu lông bánh xe

- Dùng móc trong bộ dụng cụ đi theo xe để tháo nắp chụp bu lông.

 **Lưu ý:**

Bu lông chống trộm có nắp che khác với các nắp che còn lại nên cần để riêng hoặc đánh dấu lại để tránh làm mất hoặc nhầm lẫn.



Bước 3: Nới lỏng bu lông siết bánh xe và bu lông chống trộm:

Dùng tuýp mở bu lông bánh xe và đầu tuýp của bu lông chống trộm để nới lỏng các bu lông và bu lông chống trộm



VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

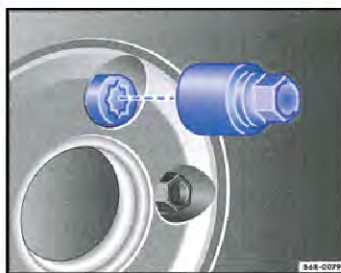
Lưu ý:

Luôn phải sử dụng cần siết đi kèm theo xe hoặc tương tự để nới lỏng bu lông.

Chỉ nới lỏng bu lông khoảng 1 vòng (ngược chiều kim đồng hồ) trước khi nâng xe.

Không cho dầu, mỡ lên bu lông hoặc lỗ ren vì nó có thể làm nới lỏng bu lông trong lúc xe di chuyển.

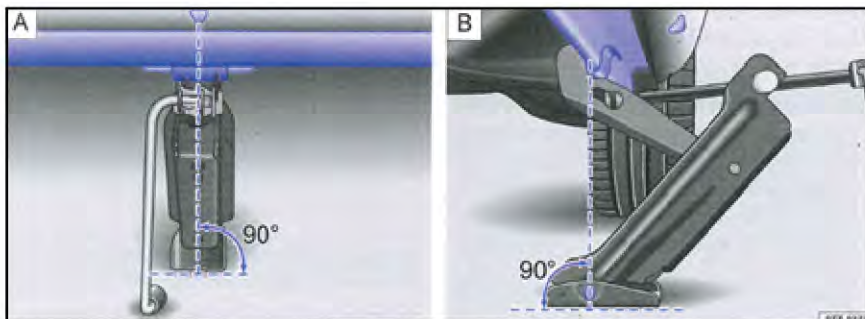
Trên mỗi bánh xe sẽ có 1 bu lông chống trộm được đặt giữa 2 bu lông thường và nằm thẳng hàng với van hơi của bánh xe.



Bước 4: Nâng xe

Các bước thực hiện:

- Đưa con đội vào vị trí nâng xe có đánh dấu như hình.
- Đảm bảo chân của con đội tiếp xúc tốt với bề mặt nơi đậu xe.
- Xoay tay quay con đội cùng chiều kim đồng hồ để nâng xe cho đến khi bánh xe được nâng lên khỏi mặt đường và đủ khoảng cách để tháo bánh xe ra.



VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP



Lưu ý:

Sử dụng con đội không chính hãng hoặc không đúng cách có thể bị trượt khỏi xe gây chấn thương và hư hỏng thân xe.

Bề mặt tiếp xúc con đội phải chắc chắn và cố định

Có thể sử dụng cao su hoặc chất liệu tương tự để chêm vào con đội tránh bị trượt trong lúc nâng xe

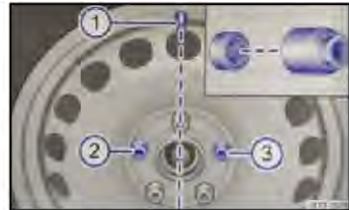
Luôn đặt con đội vào đúng vị trí nâng xe để tránh bị trượt gây hư hỏng và tai nạn.

Bước 5: Tháo bánh xe

- Sau khi đã nâng xe lên, tiếp tục dùng tuýp và đầu mở bu lông bánh xe để tháo các bu lông sau khi đã được nơi lỏng rồi nhấc bánh xe ra khỏi moay-ơ.

Bước 6: Lắp bánh xe dự phòng

- Đặt bánh xe dự phòng vào moay-ơ.
- Vặn bu lông chống trộm vào đúng vị trí như hình.
- Vặn tất cả bu lông còn lại và siết nhẹ tất cả cùng chiều kim đồng hồ
- Hạ con đội.
- Cố định lại bánh xe để tránh bị trôi.
- Siết chặt tất cả các bu lông theo thứ tự chéo nhau.



VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP



Lưu ý:

Phải sử dụng đúng bu lông của bánh xe đó, không được trao đổi, không được sử dụng bu lông khác loại.

Bu lông và lỗ ren trên moay-ơ cần được vệ sinh sạch sẽ, không dính dầu mỡ và có thể xoay nhẹ bằng tay.

Luôn phải sử dụng cần siết đi kèm theo xe để nới lỏng hoặc siết bu lông.

Không cho dầu, mỡ lên bu lông hoặc lỗ ren vì nó có thể làm nới lỏng bu lông trong lúc xe di chuyển.

Bu lông hoặc moay-ơ có thể hỏng nếu lực siết quá lớn. Nếu lực siết quá nhỏ bu lông có thể bị nới lỏng trong lúc xe chuyển động.

Lực siết cần được kiểm tra lại càng sớm càng tốt sau khi bạn siết bu lông bằng dụng cụ chuyên dùng.

Sau khi lắp bánh xe, nên đưa xe đi kiểm tra và siết lại đúng lực siết và thay thế bánh xe hư hỏng càng sớm càng tốt.

5. Kéo xe

a. Khi xe bạn cần được kéo



Cảnh báo:

Khi nào chiếc xe của bạn không nên kéo:

- **Hộp số bị hỏng hoặc mất hết dầu hộp số.**
- **Ắc quy đã hết điện. Vô lăng bị khóa, phanh tay không thể nhả.**
- **Khoảng cách kéo quá 50 km.**
- **Tốc độ tối đa lúc kéo xe là 50 km/h.**

Lúc xe bạn được kéo:

- Bật chìa khóa.
- Cài số N.
- Tắt chìa khóa.
- Phải được kéo bởi xe cứu hộ với cầu trước được nâng lên.
- Tốc độ tối đa lúc kéo xe được cho phép là 50 km/h.
- Không nên kéo với khoảng cách lớn hơn 50 km.

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP



Lưu ý:

Chỉ sử dụng móc kéo xe mà nhà sản xuất cung cấp đi kèm theo xe.
Phải đảm bảo ắc quy đủ điện và cấp nguồn cho xe khi kéo xe và phải thao tác đúng cách.

Trong trường hợp ắc quy hết điện hoặc nếu ắc quy còn điện nhưng bạn không chắc có cấp nguồn đầy đủ cho xe trong quá trình kéo hay không, thì bạn NÊN CHỜ BẰNG XE CỨU HỘ.

b. Xe bạn kéo xe khác:

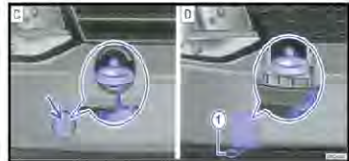
Bạn có thể sử dụng dây cáp hoặc thanh cứng để kéo xe. Theo khuyến nghị của nhà sản xuất thì nên sử dụng thanh cứng, chỉ sử dụng cáp trong trường hợp thanh cứng không có sẵn.

Lắp móc kéo xe ở phía trước.

Móc kéo được gắn vào lỗ nằm phía sau nắp che bên phải của cần

Cách lắp:

- Lấy móc kéo nằm trong bộ dụng cụ theo xe được cất sau cốp.
- Nhấn vào phần bên phải của nắp che như hình để dễ tháo nắp che hơn.
- Tháo nắp che và cất vào bên trong xe.
- Vặn móc kéo xe càng chặt càng tốt.
- Sử dụng dụng cụ phù hợp để siết chặt móc kéo.
- Sau khi kéo xe xong, tiến hành vặn móc kéo theo chiều ngược lại để tháo ra. Đậy lại nắp che, vệ sinh và cất móc kéo xe vào trong cốp.



VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Lắp móc kéo xe ở phía sau.

Móc kéo xe được lắp vào lỗ ren nằm phía sau nắp che bên phải của cabin.

- Lấy móc kéo nằm trong bộ dụng cụ theo xe được cất sau cốp.
- Nhấn vào phần phía dưới của nắp che như hình để dễ tháo nắp che hơn.
- Tháo nắp che và cất vào bên trong xe.
- Vặn móc kéo xe càng chặt càng tốt.
- Sử dụng dụng cụ phù hợp để siết chặt móc kéo.
- Sau khi kéo xe xong, tiến hành vặn móc kéo theo chiều ngược lại để tháo ra. Đậy lại nắp che, vệ sinh và cất móc kéo xe vào trong cốp.

